

CHỈ TIÊU NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 2413/QĐ-UBND-HC ngày 21 tháng 12 năm 2021
của Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông)

Đơn vị: Trường Mầm non An Hòa

Mã số đơn vị sử dụng ngân sách: 1021740

Chương 799 Loại 070 Khoản 071

Mã Kho bạc Nhà nước: 0664

Mã địa bàn hành chính: 871

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn NSNN	Số tiền
I	Tổng số thu, chi, nộp NS			40.000.000
1	Số thu học phí; sự nghiệp			40.000.000
2	Chi từ nguồn thu học phí; sự nghiệp được để lại			24.000.000
3	Số còn lại thực hiện cải cách tiền lương			16.000.000
II	Dự toán chi NSNN cấp			3.539.725.200
1	Dự toán chi thường xuyên thực hiện tự chủ theo NĐ 60/2021/N			3.513.805.200
-	Kinh phí giao khoán biên chế thực hiện tự chủ	071	13	3.377.313.000
-	Kinh phí tiền lương hợp đồng theo NĐ 68/2000	071	13	136.492.200
2	Dự toán chi thường xuyên không thực hiện tự chủ			25.920.000
-	Kinh phí hỗ trợ ăn trưa theo Nghị định 105/2020	071	12	25.920.000

Bằng chữ: Ba tỷ, năm trăm ba mươi chín triệu, bảy trăm hai mươi lăm ngàn, hai trăm đồng

- Dự toán trên đã trừ tiết kiệm 10% và bao gồm toàn bộ chi các chế độ, chính sách nhà nước ban hành đến ngày 01/01/2022 và thực hiện chế độ tiền lương tối thiểu theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP;

- Kinh phí hoạt động gồm: Công tác chuyên môn; nâng lương thường xuyên; hội nghị, tổng kết, sơ kết, mua sắm tài sản; sửa chữa; nâng cấp bảo trì các phần mềm và các hoạt động nhiệm vụ khác phát sinh tại đơn vị. Đề nghị đơn vị chủ động cân đối và sử dụng kinh phí có hiệu quả và tiết kiệm.

- Thực hiện lập Quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế quản lý, sử dụng tài sản công gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch và Kho bạc Nhà nước huyện Tam Nông để theo dõi quản lý theo Quy định.

CHỈ TIÊU NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 2413/QĐ-UBND-HC ngày 21 tháng 12 năm 2021
của Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông)

Đơn vị : Trường Mầm non Sen Hồng

Mã số đơn vị sử dụng ngân sách:1021742

Chương 799 Loại 070 Khoản 071

Mã Kho bạc Nhà nước: 0664

Mã địa bàn hành chính: 871

Đơn vị tính: đồng

ST T	Nội dung	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn NSNN	Số tiền
I	Tổng số thu, chi, nộp NS			30.000.000
1	Số thu học phí; sự nghiệp			30.000.000
2	Chi từ nguồn thu học phí; sự nghiệp được để lại			18.000.000
3	Số còn lại thực hiện cải cách tiền lương			12.000.000
II	Dự toán chi NSNN cấp			1.917.811.800
1	Dự toán chi thường xuyên thực hiện tự chủ theo ND 60/2021/ND-CP			1.896.211.800
-	Kinh phí giao khoán biên chế thực hiện tự chủ	071	13	1.805.217.000
-	Kinh phí tiền lương hợp đồng theo ND 68/2000	071	13	90.994.800
2	Dự toán chi thường xuyên không thực hiện tự chủ			21.600.000
-	Kinh phí hỗ trợ ăn trưa theo Nghị định 105/2020	071	12	21.600.000

Bảng chữ: Một tỷ, chín trăm mười bảy triệu, tám trăm mười một ngàn, tám trăm đồng.

- Dự toán trên đã trừ tiết kiệm 10% và bao gồm toàn bộ chi các chế độ, chính sách nhà nước ban hành đến ngày 01/01/2022 và thực hiện chế độ tiền lương tối thiểu theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP;

- Kinh phí hoạt động gồm: Công tác chuyên môn; nâng lương thường xuyên; hội nghị, tổng kết, sơ kết, mua sắm tài sản; sửa chữa; nâng cấp bảo trì các phần mềm và các hoạt động nhiệm vụ khác phát sinh tại đơn vị. Đề nghị đơn vị chủ động cân đối và sử dụng kinh phí có hiệu quả và tiết kiệm.

- Thực hiện lập Quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế quản lý, sử dụng tài sản công gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch và Kho bạc Nhà nước huyện Tam Nông để theo dõi quản lý theo Quy định.

CHỈ TIÊU NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 2413/QĐ-UBND-HC ngày 21 tháng 12 năm 2021
của Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông)

Đơn vị : Trường Mầm non An Long

Mã số đơn vị sử dụng ngân sách :1041936

Chương 799 Loại 070 Khoản 071

Mã Kho bạc Nhà nước: 0664

Mã địa bàn hành chính: 871

Đơn vị tính: đồng

ST T	Nội dung	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn NSNN	Số tiền
I	Tổng số thu, chi, nộp NS			50.000.000
1	Số thu học phí; sự nghiệp			50.000.000
2	Chi từ nguồn thu học phí; sự nghiệp được để lại			30.000.000
3	Số còn lại thực hiện cải cách tiền lương			20.000.000
II	Dự toán chi NSNN cấp			2.137.836.800
1	Dự toán chi thường xuyên thực hiện tự chủ theo NĐ 60/2021/NĐ-CP			2.104.716.800
-	Kinh phí giao khoán biên chế thực hiện tự chủ	071	13	2.013.722.000
-	Kinh phí tiền lương hợp đồng theo NĐ 68/2000	071	13	90.994.800
2	Dự toán chi thường xuyên không thực hiện tự chủ			33.120.000
-	Kinh phí hỗ trợ ăn trưa theo Nghị định 105/2020	071	12	33.120.000

Bảng chữ: Hai tỷ, một trăm ba mươi bảy triệu, tám trăm ba mươi sáu ngàn, tám trăm đồng.

- Dự toán trên đã trừ tiết kiệm 10% và bao gồm toàn bộ chi các chế độ, chính sách nhà nước ban hành đến ngày 01/01/2022 và thực hiện chế độ tiền lương tối thiểu theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP;

- Kinh phí hoạt động gồm: Công tác chuyên môn; nâng lương thường xuyên; hội nghị, tổng kết, sơ kết, mua sắm tài sản; sửa chữa; nâng cấp bảo trì các phần mềm và các hoạt động nhiệm vụ khác phát sinh tại đơn vị. Đề nghị đơn vị chủ động cân đối và sử dụng kinh phí có hiệu quả và tiết kiệm.

- Thực hiện lập Quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế quản lý, sử dụng tài sản công gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch và Kho bạc Nhà nước huyện Tam Nông để theo dõi quản lý theo Quy định.

CHỈ TIÊU NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 2413/QĐ-UBND-HC ngày 21 tháng 12 năm 2021
của Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông)

Đơn vị: Trường Mầm non Phú Ninh

Mã số đơn vị sử dụng ngân sách :1021743

Chương 799 Loại 070 Khoản 071

Mã Kho bạc Nhà nước: 0664

Mã địa bàn hành chính: 871

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn NSNN	Số tiền
I	Tổng số thu, chi, nộp NS			50.000.000
1	Số thu học phí; sự nghiệp			50.000.000
2	Chi từ nguồn thu học phí; sự nghiệp được để lại			30.000.000
3	Số còn lại thực hiện cải cách tiền lương			20.000.000
II	Dự toán chi NSNN cấp			2.440.080.800
1	Dự toán chi thường xuyên thực hiện tự chủ theo ND 60/2021/ND-CP			2.414.160.800
-	Kinh phí giao khoán biên chế thực hiện tự chủ	071	13	2.323.166.000
-	Kinh phí tiền lương hợp đồng theo ND 68/2000	071	13	90.994.800
2	Dự toán chi thường xuyên không thực hiện tự chủ			25.920.000
-	Kinh phí hỗ trợ ăn trưa theo Nghị định 105/2020	071	12	25.920.000

Bảng chữ: Hai tỷ, bốn trăm bốn mươi triệu, không trăm tám mươi ngàn, tám trăm đồng.

- Dự toán trên đã trừ tiết kiệm 10% và bao gồm toàn bộ chi các chế độ, chính sách nhà nước ban hành đến ngày 01/01/2022 và thực hiện chế độ tiền lương tối thiểu theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP;

- Kinh phí hoạt động gồm: Công tác chuyên môn; nâng lương thường xuyên; hội nghị, tổng kết, sơ kết, mua sắm tài sản; sửa chữa; nâng cấp bảo trì các phần mềm và các hoạt động nhiệm vụ khác phát sinh tại đơn vị. Đề nghị đơn vị chủ động cân đối và sử dụng kinh phí có hiệu quả và tiết kiệm.

- Thực hiện lập Quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế quản lý, sử dụng tài sản công gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch và Kho bạc Nhà nước huyện Tam Nông để theo dõi quản lý theo Quy định.

CHỈ TIÊU NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 2413/QĐ-UBND-HC ngày 21 tháng 12 năm 2021
của Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông)

Đơn vị: Trường Mầm non Phú Thành A

Mã số đơn vị sử dụng ngân sách :1041931

Chương 799 Loại 070 Khoản 071

Mã Kho bạc Nhà nước: 0664

Mã địa bàn hành chính: 871

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn NSNN	Số tiền
I	Tổng số thu, chi, nộp NS			100.000.000
1	Số thu học phí; sự nghiệp			100.000.000
2	Chi từ nguồn thu học phí; sự nghiệp được để lại			60.000.000
3	Số còn lại thực hiện cải cách tiền lương			40.000.000
II	Dự toán chi NSNN cấp			3.317.488.200
1	Dự toán chi thường xuyên thực hiện tự chủ theo NĐ 60/2021/NĐ			3.245.488.200
-	Kinh phí giao khoán biên chế thực hiện tự chủ	071	13	3.108.996.000
-	Kinh phí tiền lương hợp đồng theo NĐ 68/2000	071	13	136.492.200
2	Dự toán chi thường xuyên không thực hiện tự chủ			72.000.000
-	Kinh phí hỗ trợ ăn trưa theo Nghị định 105/2020	071	12	72.000.000

Bằng chữ: Ba tỷ, ba trăm mười bảy triệu, bốn trăm tám mươi tám ngàn, hai trăm đồng.

- Dự toán trên đã trừ tiết kiệm 10% và bao gồm toàn bộ chi các chế độ, chính sách nhà nước ban hành đến ngày 01/01/2022 và thực hiện chế độ tiền lương tối thiểu theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP;

- Kinh phí hoạt động gồm: Công tác chuyên môn; nâng lương thường xuyên; hội nghị, tổng kết, sơ kết, mua sắm tài sản; sửa chữa; nâng cấp bảo trì các phần mềm và các hoạt động nhiệm vụ khác phát sinh tại đơn vị. Đề nghị đơn vị chủ động cân đối và sử dụng kinh phí có hiệu quả và tiết kiệm.

- Thực hiện lập Quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế quản lý, sử dụng tài sản công gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch và Kho bạc Nhà nước huyện Tam Nông để theo dõi quản lý theo Quy định.

CHỈ TIÊU NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 2413/QĐ-UBND-HC ngày 21 tháng 12 năm 2021
của Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông)

Đơn vị : Trường Mầm non Phú Thành B

Mã số đơn vị sử dụng ngân sách:1021744

Chương 799 Loại 070 Khoản 071

Mã Kho bạc Nhà nước: 0664

Mã địa bàn hành chính: 871

Đơn vị tính: đồng

ST T	Nội dung	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn NSNN	Số tiền
I	Tổng số thu, chi, nộp NS			25.000.000
1	Số thu học phí; sự nghiệp			25.000.000
2	Chi từ nguồn thu học phí; sự nghiệp được để lại			15.000.000
3	Số còn lại thực hiện cải cách tiền lương			10.000.000
II	Dự toán chi NSNN cấp			1.968.386.400
1	Dự toán chi thường xuyên thực hiện tự chủ theo ND 60/2021/NĐ			1.943.906.400
-	Kinh phí giao khoán biên chế thực hiện tự chủ	071	13	1.898.409.000
-	Kinh phí tiền lương hợp đồng theo ND 68/2000	071	13	45.497.400
2	Dự toán chi thường xuyên không thực hiện tự chủ			24.480.000
-	Kinh phí hỗ trợ ăn trưa theo Nghị định 105/2020	071	12	24.480.000

Bằng chữ: Một tỷ, chín trăm sáu mươi tám triệu, ba trăm tám mươi sáu ngàn, bốn trăm đồng.

- Dự toán trên đã trừ tiết kiệm 10% và bao gồm toàn bộ chi các chế độ, chính sách nhà nước ban hành đến ngày 01/01/2022 và thực hiện chế độ tiền lương tối thiểu theo Nghị định 38/2010/NĐ-CP.

- Kinh phí hoạt động gồm: Công tác chuyên môn; nâng lương thường xuyên; hội nghị, tổng kết, sơ kết, mua sắm tài sản; sửa chữa; nâng cấp bảo trì các phần mềm và các hoạt động nhiệm vụ khác phát sinh tại đơn vị. Đề nghị đơn vị chủ động cân đối và sử dụng kinh phí có hiệu quả và tiết kiệm.

- Thực hiện lập Quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế quản lý, sử dụng tài sản công gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch và Kho bạc Nhà nước huyện Tam Nông để theo dõi quản lý theo Quy định.

CHỈ TIÊU NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 2413/QĐ-UBND-HC ngày 21 tháng 12 năm 2021
của Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông)

Đơn vị: Trường Mầm non Phú Thọ

Mã số đơn vị sử dụng ngân sách :1041928

Chương 799 Loại 070 Khoản 071

Mã Kho bạc Nhà nước: 0664

Mã địa bàn hành chính: 871

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn NSNN	Số tiền
I	Tổng số thu, chi, nộp NS			55.000.000
1	Số thu học phí; sự nghiệp			55.000.000
2	Chi từ nguồn thu học phí; sự nghiệp được để lại			33.000.000
3	Số còn lại thực hiện cải cách tiền lương			22.000.000
II	Dự toán chi NSNN cấp			2.261.344.400
1	Dự toán chi thường xuyên thực hiện tự chủ theo ND 60/2021/ND-CP			2.239.744.400
-	Kinh phí giao khoán biên chế thực hiện tự chủ	071	13	2.194.247.000
-	Kinh phí tiền lương hợp đồng theo ND 68/2000	071	13	45.497.400
2	Dự toán chi thường xuyên không thực hiện tự chủ			21.600.000
-	Kinh phí hỗ trợ ăn trưa theo Nghị định 105/2020	071	12	21.600.000

Bằng chữ: Hai tỷ, hai trăm sáu mươi một triệu, ba trăm bốn mươi bốn ngàn, bốn trăm đồng.

- Dự toán trên đã trừ tiết kiệm 10% và bao gồm toàn bộ chi các cne độ, chính sách nhà nước ban hành đến ngày 01/01/2022 và thực hiện chế độ tiền lương tối thiểu theo Nghị định 38/2019/ND-CP.

- Kinh phí hoạt động gồm: Công tác chuyên môn; nâng lương thường xuyên; hội nghị, tổng kết, sơ kết, mua sắm tài sản; sửa chữa; nâng cấp bảo trì các phần mềm và các hoạt động nhiệm vụ khác phát sinh tại đơn vị. Đề nghị đơn vị chủ động cân đối và sử dụng kinh phí có hiệu quả và tiết kiệm.

- Thực hiện lập Quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế quản lý, sử dụng tài sản công gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch và Kho bạc Nhà nước huyện Tam Nông để theo dõi quản lý theo Quy định.

CHỈ TIÊU NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 2413/QĐ-UBND-HC ngày 21 tháng 12 năm 2021
của Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông)

Đơn vị: Trường Mầm non Tràm Chim

Mã số đơn vị sử dụng ngân sách :1041929

Chương 799 Loại 070 Khoản 071

Mã Kho bạc Nhà nước: 0664

Mã địa bàn hành chính: 871

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn NSNN	Số tiền
I	Tổng số thu, chi, nộp NS			135.000.000
1	Số thu học phí; sự nghiệp			135.000.000
2	Chi từ nguồn thu học phí; sự nghiệp được để lại			81.000.000
3	Số còn lại thực hiện cải cách tiền lương			54.000.000
II	Dự toán chi NSNN cấp			3.127.332.600
1	Dự toán chi thường xuyên thực hiện tự chủ theo ND 60/2021/ND-CP			3.105.732.600
-	Kinh phí giao khoán biên chế thực hiện tự chủ	071	13	2.923.743.000
-	Kinh phí tiền lương hợp đồng theo ND 68/2000	071	13	181.989.600
2	Dự toán chi thường xuyên không thực hiện tự chủ			21.600.000
-	Kinh phí hỗ trợ ăn trưa theo Nghị định 105/2020	071	12	21.600.000

Bảng chữ: Ba tỷ, một trăm hai mươi bảy triệu, ba trăm ba mươi hai ngàn, sáu trăm đồng.

- Dự toán trên đã trừ tiết kiệm 10% và bao gồm toàn bộ chi các chế độ, chính sách nhà nước ban hành đến ngày 01/01/2022 và thực hiện chế độ tiền lương tối thiểu theo Nghị định 38/2019/ND-CP.

- Kinh phí hoạt động gồm: Công tác chuyên môn; nâng lương thường xuyên; hội nghị, tổng kết, sơ kết, mua sắm tài sản; sửa chữa; nâng cấp bảo trì các phần mềm và các hoạt động nhiệm vụ khác phát sinh tại đơn vị. Đề nghị đơn vị chủ động cân đối và sử dụng kinh phí có hiệu quả và tiết kiệm.

- Thực hiện lập Quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế quản lý, sử dụng tài sản công gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch và Kho bạc Nhà nước huyện Tam Nông để theo dõi quản lý theo Quy định.

CHỈ TIÊU NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 2413/QĐ-UBND-HC ngày 21 tháng 12 năm 2021
của Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông)

Đơn vị: Trường Mầm non Ánh Dương

Mã số đơn vị sử dụng ngân sách: 1021745

Chương 799 Loại 070 Khoản 071

Mã Kho bạc Nhà nước: 0664

Mã địa bàn hành chính: 871

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn NSNN	Số tiền
I	Tổng số thu, chi, nộp NS			70.000.000
1	Số thu học phí; sự nghiệp			70.000.000
2	Chi từ nguồn thu học phí; sự nghiệp được để lại			42.000.000
3	Số còn lại thực hiện cải cách tiền lương			28.000.000
II	Dự toán chi NSNN cấp			2.003.566.400
1	Dự toán chi thường xuyên thực hiện tự chủ theo ND 60/2021/ND-CP			1.981.966.400
-	Kinh phí giao khoán biên chế thực hiện tự chủ	071	13	1.936.469.000
-	Kinh phí tiền lương hợp đồng theo ND 68/2000	071	13	45.497.400
2	Dự toán chi thường xuyên không thực hiện tự chủ			21.600.000
-	Kinh phí hỗ trợ ăn trưa theo Nghị định 105/2020	071	12	21.600.000

Bảng chữ: Hai tỷ, không trăm lẻ ba triệu, năm trăm sáu mươi sáu ngàn, bốn trăm đồng.

- Dự toán trên đã trừ tiết kiệm 10% và bao gồm toàn bộ chi các chế độ, chính sách nhà nước ban hành đến ngày 01/01/2022 và thực hiện chế độ tiền lương tối thiểu theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP.

- Kinh phí hoạt động gồm: Công tác chuyên môn; nâng lương thường xuyên; hội nghị, tổng kết, sơ kết, mua sắm tài sản; sửa chữa; nâng cấp bảo trì các phần mềm và các hoạt động nhiệm vụ khác phát sinh tại đơn vị. Đề nghị đơn vị chủ động cân đối và sử dụng kinh phí có hiệu quả và tiết kiệm.

- Thực hiện lập Quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế quản lý, sử dụng tài sản công gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch và Kho bạc Nhà nước huyện Tam Nông để theo dõi quản lý theo Quy định.

CHỈ TIÊU NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 2413/QĐ-UBND-HC ngày 21 tháng 12 năm 2021
của Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông)

Đơn vị: Trường Mầm non Tân Công Sính

Mã số đơn vị sử dụng ngân sách: 1021746

Chương 799 Loại 070 Khoản 071

Mã Kho bạc Nhà nước: 0664

Mã địa bàn hành chính: 871

Đơn vị tính : đồng

STT	Nội dung	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn NSNN	Số tiền
I	Tổng số thu, chi, nộp NS			20.000.000
1	Số thu học phí; sự nghiệp			20.000.000
2	Chi từ nguồn thu học phí; sự nghiệp được để lại			12.000.000
3	Số còn lại thực hiện cải cách tiền lương			8.000.000
II	Dự toán chi NSNN cấp			2.358.381.400
1	Dự toán chi thường xuyên thực hiện tự chủ theo ND 60/2021/ND-CP			2.273.005.400
-	Kinh phí giao khoán biên chế thực hiện tự chủ	071	13	2.227.508.000
-	Kinh phí tiền lương hợp đồng theo ND 68/2000	071	13	45.497.400
2	Dự toán chi thường xuyên không thực hiện tự chủ			85.376.000
-	Kinh phí hỗ trợ ăn trưa theo Nghị định 105/2020	071	12	61.920.000
-	Kinh phí chi hỗ trợ trẻ khuyết tật theo TTLT 42/2013	071	12	23.456.000

Bảng chữ: Hai tỷ, ba trăm năm mươi tám triệu, ba trăm tám mươi một ngàn, bốn trăm đồng.

- Dự toán trên đã trừ tiết kiệm 10% và bao gồm toàn bộ chi các chế độ, chính sách nhà nước ban hành đến ngày 01/01/2022 và thực hiện chế độ tiền lương tối thiểu theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP;

- Kinh phí hoạt động gồm: Công tác chuyên môn; nâng lương thường xuyên; hội nghị, tổng kết, sơ kết, mua sắm tài sản; sửa chữa; nâng cấp bảo trì các phần mềm và các hoạt động nhiệm vụ khác phát sinh tại đơn vị. Đề nghị đơn vị chủ động cân đối và sử dụng kinh phí có hiệu quả và tiết kiệm.

- Thực hiện lập Quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế quản lý, sử dụng tài sản công gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch và Kho bạc Nhà nước huyện Tam Nông để theo dõi quản lý theo Quy định.

CHỈ TIÊU NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 2413/QĐ-UBND-HC ngày 21 tháng 12 năm 2021
của Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông)

Đơn vị: Trường Mầm non Phú Cường

Mã số đơn vị sử dụng ngân sách: 1021747

Chương 799 Loại 070 Khoản 071

Mã Kho bạc Nhà nước: 0664

Mã địa bàn hành chính: 871

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn NSNN	Số tiền
I	Tổng số thu, chi, nộp NS			55.000.000
1	Số thu học phí; sự nghiệp			55.000.000
2	Chi từ nguồn thu học phí; sự nghiệp được để lại			33.000.000
3	Số còn lại thực hiện cải cách tiền lương			22.000.000
II	Dự toán chi NSNN cấp			2.824.846.600
1	toán chi thường xuyên thực hiện tự chủ theo ND 60/2021/ND			2.806.126.600
-	Kinh phí giao khoán biên chế thực hiện tự chủ	071	13	2.624.137.000
-	Kinh phí tiền lương hợp đồng theo ND 68/2000	071	13	181.989.600
2	Dự toán chi thường xuyên không thực hiện tự chủ			18.720.000
-	Kinh phí hỗ trợ ăn trưa theo Nghị định 105/2020	071	12	18.720.000

Bảng chữ: Hai tỷ, tám trăm hai mươi bốn triệu, tám trăm bốn mươi sáu ngàn, sáu trăm đồng.

- Dự toán trên đã trừ tiết kiệm 10% và bao gồm toàn bộ chi các chế độ, chính sách nhà nước ban hành đến ngày 01/01/2022 và thực hiện chế độ tiền lương tối thiểu theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP;

- Kinh phí hoạt động gồm: Công tác chuyên môn; nâng lương thường xuyên; hội nghị, tổng kết, sơ kết, mua sắm tài sản; sửa chữa; nâng cấp bảo trì các phần mềm và các hoạt động nhiệm vụ khác phát sinh tại đơn vị. Đề nghị đơn vị chủ động cân đối và sử dụng kinh phí có hiệu quả và tiết kiệm.

- Thực hiện lập Quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế quản lý, sử dụng tài sản công gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch và Kho bạc Nhà nước huyện Tam Nông để theo dõi quản lý theo Quy định.

CHỈ TIÊU NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 2413/QĐ-UBND-HC ngày 21 tháng 12 năm 2021
của Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông)

Đơn vị: Trường Mầm non Hoa Sen

Mã số đơn vị sử dụng ngân sách: 1125978

Chương 799 Loại 070 Khoản 071

Mã Kho bạc Nhà nước: 0664

Mã địa bàn hành chính: 871

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn NSNN	Số tiền
I	Tổng số thu, chi, nộp NS			20.000.000
1	Số thu học phí; sự nghiệp			20.000.000
2	Chi từ nguồn thu học phí; sự nghiệp được để lại			12.000.000
3	Số còn lại thực hiện cải cách tiền lương			8.000.000
II	Dự toán chi NSNN cấp			1.595.746.400
1	Dự toán chi thường xuyên thực hiện tự chủ theo ND 60/2021/ND-CP			1.546.786.400
-	Kinh phí giao khoán biên chế thực hiện tự chủ	071	13	1.501.289.000
-	Kinh phí tiền lương hợp đồng theo ND 68/2000	071	13	45.497.400
2	Dự toán chi thường xuyên không thực hiện tự chủ			48.960.000
-	Kinh phí hỗ trợ ăn trưa theo Nghị định 105/2020	071	12	48.960.000

Bằng chữ: Một tỷ, năm trăm chín mươi lăm triệu, bảy trăm bốn mươi sáu ngàn, bốn trăm đồng.

- Dự toán trên đã trừ tiết kiệm 10% và bao gồm toàn bộ chi các chế độ, chính sách nhà nước ban hành đến ngày 01/01/2022 và thực hiện chế độ tiền lương tối thiểu theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP;

- Kinh phí hoạt động gồm: Công tác chuyên môn; nâng lương thường xuyên; hội nghị, tổng kết, sơ kết, mua sắm tài sản; sửa chữa; nâng cấp bảo trì các phần mềm và các hoạt động nhiệm vụ khác phát sinh tại đơn vị. Đề nghị đơn vị chủ động cân đối và sử dụng kinh phí có hiệu quả và tiết kiệm.

- Thực hiện lập Quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế quản lý, sử dụng tài sản công gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch và Kho bạc Nhà nước huyện Tam Nông để theo dõi quản lý theo Quy định.

CHỈ TIÊU NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 2413/QĐ-UBND-HC ngày 21 tháng 12 năm 2021
của Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông)

Đơn vị: Trường Mầm non Phú Đức

Mã số đơn vị sử dụng ngân sách: 1021748

Chương 799 Loại 070 Khoản 071

Mã Kho bạc Nhà nước: 0664

Mã địa bàn hành chính: 871

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn NSNN	Số tiền
I	Tổng số thu, chi, nộp NS			75.000.000
1	Số thu học phí; sự nghiệp			75.000.000
2	Chi từ nguồn thu học phí; sự nghiệp được để lại			45.000.000
3	Số còn lại thực hiện cải cách tiền lương			30.000.000
II	Dự toán chi NSNN cấp			3.599.144.600
1	Dự toán chi thường xuyên thực hiện tự chủ theo ND 60/2021/ND-CP			3.563.144.600
-	Kinh phí giao khoán biên chế thực hiện tự chủ	071	13	3.381.155.000
-	Kinh phí tiền lương hợp đồng theo ND 68/2000	071	13	181.989.600
2	Dự toán chi thường xuyên không thực hiện tự chủ			36.000.000
-	Kinh phí hỗ trợ ăn trưa theo Nghị định 105/2020	071	12	36.000.000

Bảng chữ: Ba tỷ, năm trăm chín mươi chín triệu, một trăm bốn mươi bốn ngàn, sáu trăm đồng.

- Dự toán trên đã trừ tiết kiệm 10% và bao gồm toàn bộ chi các chế độ, chính sách nhà nước ban hành đến ngày 01/01/2022 và thực hiện chế độ tiền lương tối thiểu theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP;

- Kinh phí hoạt động gồm: Công tác chuyên môn; nâng lương thường xuyên; hội nghị, tổng kết, sơ kết, mua sắm tài sản; sửa chữa; nâng cấp bảo trì các phần mềm và các hoạt động nhiệm vụ khác phát sinh tại đơn vị. Đề nghị đơn vị chủ động cân đối và sử dụng kinh phí có hiệu quả và tiết kiệm.

- Thực hiện lập Quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế quản lý, sử dụng tài sản công gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch và Kho bạc Nhà nước huyện Tam Nông để theo dõi quản lý theo Quy định.

CHỈ TIÊU NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 2413/QĐ-UBND-HC ngày 21 tháng 12 năm 2021
của Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông)

Đơn vị: Trường Mầm non Phú Hiệp

Mã số đơn vị sử dụng ngân sách: 1041940

Chương 799 Loại 070 Khoản 071

Mã Kho bạc Nhà nước: 0664

Mã địa bàn hành chính: 871

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn NSNN	Số tiền
I	Tổng số thu, chi, nộp NS			65.000.000
1	Số thu học phí; sự nghiệp			65.000.000
2	Chi từ nguồn thu học phí; sự nghiệp được để lại			39.000.000
3	Số còn lại thực hiện cải cách tiền lương			26.000.000
II	Dự toán chi NSNN cấp			2.655.476.400
1	Dự toán chi thường xuyên thực hiện tự chủ theo ND 60/2021/ND-CP			2.597.876.400
-	Kinh phí giao khoán biên chế thực hiện tự chủ	071	13	2.552.379.000
-	Kinh phí tiền lương hợp đồng theo ND 68/2000	071	13	45.497.400
2	Dự toán chi thường xuyên không thực hiện tự chủ			57.600.000
-	Kinh phí hỗ trợ ăn trưa theo Nghị định 105/2020	071	12	57.600.000

Bằng chữ: Hai tỷ, sáu trăm năm mươi lăm triệu, bốn trăm bảy mươi sáu ngàn, bốn trăm đồng chẵn

- Dự toán trên đã trừ tiết kiệm 10% và bao gồm toàn bộ chi các chế độ, chính sách nhà nước ban hành đến ngày 01/01/2022 và thực hiện chế độ tiền lương tối thiểu theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP;

- Kinh phí hoạt động gồm: Công tác chuyên môn; nâng lương thường xuyên; hội nghị, tổng kết, sơ kết, mua sắm tài sản; sửa chữa; nâng cấp bảo trì các phần mềm và các hoạt động nhiệm vụ khác phát sinh tại đơn vị. Đề nghị đơn vị chủ động cân đối và sử dụng kinh phí có hiệu quả và tiết kiệm.

- Thực hiện lập Quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế quản lý, sử dụng tài sản công gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch và Kho bạc Nhà nước huyện Tam Nông để theo dõi quản lý theo Quy định.

CHỈ TIÊU NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 2413/QĐ-UBND-HC ngày 21 tháng 12 năm 2021
của Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông)

Đơn vị: Trường Mầm non Hoà Bình

Mã số đơn vị sử dụng ngân sách: 1041937

Chương 799 Loại 070 Khoản 071

Mã Kho bạc Nhà nước: 0664

Mã địa bàn hành chính: 871

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn NSNN	Số tiền
I	Tổng số thu, chi, nộp NS			50.000.000
1	Số thu học phí; sự nghiệp			50.000.000
2	Chi từ nguồn thu học phí; sự nghiệp được để lại			30.000.000
3	Số còn lại thực hiện cải cách tiền lương			20.000.000
II	Dự toán chi NSNN cấp			2.525.817.800
1	Dự toán chi thường xuyên thực hiện tự chủ theo ND 60/2021/ND-C			2.502.777.800
-	Kinh phí giao khoán biên chế thực hiện tự chủ	071	13	2.411.783.000
-	Kinh phí tiền lương hợp đồng theo ND 68/2000	071	13	90.994.800
2	Dự toán chi thường xuyên không thực hiện tự chủ			23.040.000
-	Kinh phí hỗ trợ ăn trưa theo Nghị định 105/2020	071	12	23.040.000

Bảng chữ: Hai tỷ, năm trăm hai mươi lăm triệu, tám trăm mười bảy ngàn, tám trăm đồng.

- Dự toán trên đã trừ tiết kiệm 10% và bao gồm toàn bộ chi các chế độ, chính sách nhà nước ban hành đến ngày 01/01/2022 và thực hiện chế độ tiền lương tối thiểu theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP;

- Kinh phí hoạt động gồm: Công tác chuyên môn; nâng lương thường xuyên; hội nghị, tổng kết, sơ kết, mua sắm tài sản; sửa chữa; nâng cấp bảo trì các phần mềm và các hoạt động nhiệm vụ khác phát sinh tại đơn vị. Đề nghị đơn vị chủ động cân đối và sử dụng kinh phí có hiệu quả và tiết kiệm.

- Thực hiện lập Quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế quản lý, sử dụng tài sản công gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch và Kho bạc Nhà nước huyện Tam Nông để theo dõi quản lý theo Quy định.

CHỈ TIÊU NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 2413/QĐ-UBND-HC ngày 21 tháng 12 năm 2021
của Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông)

Đơn vị: Trường Tiểu học An Hòa 1

Mã số đơn vị sử dụng ngân sách: 1041930

Chương 799 Loại 070 Khoản 072

Mã Kho bạc Nhà nước: 0664

Mã địa bàn hành chính: 871

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn NSNN	Số tiền
I	Tổng số thu, chi, nộp NS			89.000.000
1	Số thu hoạt động sự nghiệp theo quy định			89.000.000
2	Số chi hoạt động sự nghiệp được để lại			53.400.000
3	Số còn lại thực hiện cải cách tiền lương			35.600.000
II	Dự toán chi NSNN cấp			4.916.280.400
1	Dự toán chi thường xuyên thực hiện tự chủ theo NĐ 60/2021/NĐ-CP			4.902.004.400
-	Kinh phí giao khoán biên chế thực hiện tự chủ	072	13	4.856.507.000
-	Kinh phí tiền lương hợp đồng theo NĐ 68/2000	072	13	45.497.400
2	Dự toán chi thường xuyên không thực hiện tự chủ			14.276.000
-	Kinh phí chi trang phục và bồi dưỡng tiết dạy thể dục theo Quyết định 51/2012/QĐ-TTg	072	12	14.276.000

Bằng chữ: Bốn tỷ, chín trăm mười sáu triệu, hai trăm tám mươi ngàn, bốn trăm đồng.

- Dự toán trên đã trừ tiết kiệm 10% và bao gồm toàn bộ chi các chế độ, chính sách nhà nước ban hành đến ngày 01/01/2022 và thực hiện chế độ tiền lương tối thiểu theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP;

- Kinh phí hoạt động gồm: Công tác chuyên môn; nâng lương thường xuyên; hội nghị, tổng kết, sơ kết, mua sắm tài sản; sửa chữa; nâng cấp bảo trì các phần mềm và các hoạt động nhiệm vụ khác phát sinh tại đơn vị. Đề nghị đơn vị chủ động cân đối và sử dụng kinh phí có hiệu quả và tiết kiệm.

- Thực hiện lập Quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế quản lý, sử dụng tài sản công gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch và Kho bạc Nhà nước huyện Tam Nông để theo dõi quản lý theo Quy định.

CHỈ TIÊU NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 2413/QĐ-UBND-HC ngày 21 tháng 12 năm 2021
của Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông)

Đơn vị: Trường Tiểu học An Hòa 2

Mã số đơn vị sử dụng ngân sách: 1041933

Chương 799 Loại 070 Khoản 072

Mã Kho bạc Nhà nước: 0664

Mã địa bàn hành chính: 871

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn NSNN	Số tiền
I	Tổng số thu, chi, nộp NS			6.000.000
1	Số thu hoạt động sự nghiệp theo quy định			6.000.000
2	Số chi hoạt động sự nghiệp được để lại			3.600.000
3	Số còn lại thực hiện cải cách tiền lương			2.400.000
II	Dự toán chi NSNN cấp			2.979.680.000
1	Dự toán chi thường xuyên thực hiện tự chủ theo ND 60/2021/ND-CP			2.967.728.400
-	Kinh phí giao khoán biên chế thực hiện tự chủ	072	13	2.922.231.000
-	Kinh phí tiền lương hợp đồng theo ND 68/2000	072	13	45.497.400
2	Dự toán chi thường xuyên không thực hiện tự chủ			11.951.600
-	Kinh phí chi trang phục và bồi dưỡng tiết dạy thể dục theo Quyết định 51/2012/QĐ-TTg	072	12	11.951.600

Bằng chữ: Hai tỷ, chín trăm bảy mươi chín triệu, sáu trăm tám mươi ngàn đồng.

- Dự toán trên đã trừ tiết kiệm 10% và bao gồm toàn bộ chi các chế độ, chính sách nhà nước ban hành đến ngày 01/01/2022 và thực hiện chế độ tiền lương tối thiểu theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP;

- Kinh phí hoạt động gồm: Công tác chuyên môn; nâng lương thường xuyên; hội nghị, tổng kết, sơ kết, mua sắm tài sản; sửa chữa; nâng cấp bảo trì các phần mềm và các hoạt động nhiệm vụ khác phát sinh tại đơn vị. Đề nghị đơn vị chủ động cân đối và sử dụng kinh phí có hiệu quả và tiết kiệm.

- Thực hiện lập Quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế quản lý, sử dụng tài sản công gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch và Kho bạc Nhà nước huyện Tam Nông để theo dõi quản lý theo Quy định.

CHỈ TIÊU NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 2413/QĐ-UBND-HC ngày 21 tháng 12 năm 2021
của Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông)

Đơn vị: Trường Tiểu học An Long 1

Mã số đơn vị sử dụng ngân sách: 1041934

Chương 799 Loại 070 Khoản 072

Mã Kho bạc Nhà nước: 0664

Mã địa bàn hành chính: 871

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn NSNN	Số tiền
I	Tổng số thu, chi, nộp NS			27.000.000
1	Số thu hoạt động sự nghiệp theo quy định			27.000.000
2	Số chi hoạt động sự nghiệp được để lại			16.200.000
3	Số còn lại thực hiện cải cách tiền lương			10.800.000
II	Dự toán chi NSNN cấp			6.196.973.400
1	Dự toán chi thường xuyên thực hiện tự chủ theo ND 60/2021/ND-C			6.143.922.400
-	Kinh phí giao khoán biên chế thực hiện tự chủ	072	13	6.098.425.000
-	Kinh phí tiền lương hợp đồng theo ND 68/2000	072	13	45.497.400
2	Dự toán chi thường xuyên không thực hiện tự chủ			53.051.000
-	Kinh phí chi hỗ trợ trẻ khuyết tật theo TTLT 42/2013	072	12	23.456.000
-	Kinh phí chi trang phục và bồi dưỡng tiết dạy thể dục theo Quyết định 51/2012/QĐ-TTg	072	12	29.595.000

Bảng chữ: Sáu tỷ, một trăm chín mươi sáu triệu, chín trăm bảy mươi ba ngàn, bốn trăm đồng.

- Dự toán trên đã trừ tiết kiệm 10% và bao gồm toàn bộ chi các chế độ, chính sách nhà nước ban hành đến ngày 01/01/2022 và thực hiện chế độ tiền lương tối thiểu theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP;

- Kinh phí hoạt động gồm: Công tác chuyên môn; nâng lương thường xuyên; hội nghị, tổng kết, sơ kết, mua sắm tài sản; sửa chữa; nâng cấp bảo trì các phần mềm và các hoạt động nhiệm vụ khác phát sinh tại đơn vị. Đề nghị đơn vị chủ động cân đối và sử dụng kinh phí có hiệu quả và tiết kiệm.

- Thực hiện lập Quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế quản lý, sử dụng tài sản công gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch và Kho bạc Nhà nước huyện Tam Nông để theo dõi quản lý theo Quy định.

CHỈ TIÊU NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 2413/QĐ-UBND-HC ngày 21 tháng 12 năm 2021
của Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông)

Đơn vị: Trường Tiểu học An Long 2

Mã số đơn vị sử dụng ngân sách: 1041926

Chương 799 Loại 070 Khoản 072

Mã Kho bạc Nhà nước: 0664

Mã địa bàn hành chính: 871

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn NSNN	Số tiền
I	Tổng số thu, chi, nộp NS			7.000.000
1	Số thu hoạt động sự nghiệp theo quy định			7.000.000
2	Số chi hoạt động sự nghiệp được để lại			4.200.000
3	Số còn lại thực hiện cải cách tiền lương			2.800.000
II	Dự toán chi NSNN cấp			3.421.037.200
1	Dự toán chi thường xuyên thực hiện tự chủ theo ND 60/2021/ND-C			3.406.582.400
-	Kinh phí giao khoán biên chế thực hiện tự chủ	072	13	3.361.085.000
-	Kinh phí tiền lương hợp đồng theo ND 68/2000	072	13	45.497.400
2	Dự toán chi thường xuyên không thực hiện tự chủ			14.454.800
-	Kinh phí chi trang phục và bồi dưỡng tiết dạy thể dục theo Quyết định 51/2012/QĐ-TTg	072	12	14.454.800

Bảng chữ: Ba tỷ, bốn trăm hai mươi một triệu, không trăm ba mươi bảy ngàn, hai trăm đồng.

- Dự toán trên đã trừ tiết kiệm 10% và bao gồm toàn bộ chi các chế độ, chính sách nhà nước ban hành đến ngày 01/01/2022 và thực hiện chế độ tiền lương tối thiểu theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP;

- Kinh phí hoạt động gồm: Công tác chuyên môn; nâng lương thường xuyên; hội nghị, tổng kết, sơ kết, mua sắm tài sản; sửa chữa; nâng cấp bảo trì các phần mềm và các hoạt động nhiệm vụ khác phát sinh tại đơn vị. Đề nghị đơn vị chủ động cân đối và sử dụng kinh phí có hiệu quả và tiết kiệm.

- Thực hiện lập Quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế quản lý, sử dụng tài sản công gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch và Kho bạc Nhà nước huyện Tam Nông để theo dõi quản lý theo Quy định.

CHỈ TIÊU NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 2413/QĐ-UBND-HC ngày 21 tháng 12 năm 2021
của Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông)

Đơn vị: Trường Tiểu học Phú Ninh 1

Mã số đơn vị sử dụng ngân sách: 1022521

Chương 799 Loại 070 Khoản 072

Mã Kho bạc Nhà nước: 0664

Mã địa bàn hành chính: 871

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn NSNN	Số tiền
I	Tổng số thu, chi, nộp NS			0
1	Số thu hoạt động sự nghiệp theo quy định			0
2	Số chi hoạt động sự nghiệp được để lại			0
3	Số còn lại thực hiện cải cách tiền lương			0
II	Dự toán chi NSNN cấp			2.776.317.200
1	Dự toán chi thường xuyên thực hiện tự chủ theo ND 60/2021/ND-CP			2.724.918.400
-	Kinh phí giao khoán biên chế thực hiện tự chủ	072	13	2.679.421.000
-	Kinh phí tiền lương hợp đồng theo ND 68/2000	072	13	45.497.400
2	Dự toán chi thường xuyên không thực hiện tự chủ			51.398.800
-	Kinh phí chi hỗ trợ trẻ khuyết tật theo TTLT 42/2013	072	12	35.184.000
-	Kinh phí chi trang phục và bồi dưỡng tiết dạy thể dục theo Quyết định 51/2012/QĐ-TTg	072	12	16.214.800

Bằng chữ: Hai tỷ, bảy trăm bảy mươi sáu triệu, ba trăm mười bảy ngàn, hai trăm đồng.

- Dự toán trên đã trừ tiết kiệm 10% và bao gồm toàn bộ chi các chế độ, chính sách nhà nước ban hành đến ngày 01/01/2022 và thực hiện chế độ tiền lương tối thiểu theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP.

- Kinh phí hoạt động gồm: Công tác chuyên môn; nâng lương thường xuyên; hội nghị, tổng kết, sơ kết, mua sắm tài sản; sửa chữa; nâng cấp bảo trì các phần mềm và các hoạt động nhiệm vụ khác phát sinh tại đơn vị. Đề nghị đơn vị chủ động cân đối và sử dụng kinh phí có hiệu quả và

- Thực hiện lập Quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế quản lý, sử dụng tài sản công gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch và Kho bạc Nhà nước huyện Tam Nông để theo dõi quản lý theo Quy định.

CHỈ TIÊU NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 2413/QĐ-UBND-HC ngày 21 tháng 12 năm 2021
của Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông)

Đơn vị: Trường Tiểu học Phú Ninh 2

Mã số đơn vị sử dụng ngân sách: 1022522

Chương 799 Loại 070 Khoản 072

Mã Kho bạc Nhà nước: 0664

Mã địa bàn hành chính: 871

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn NSNN	Số tiền
I	Tổng số thu, chi, nộp NS			9.500.000
1	Số thu hoạt động sự nghiệp theo quy định			9.500.000
2	Số chi hoạt động sự nghiệp được để lại			5.700.000
3	Số còn lại thực hiện cải cách tiền lương			3.800.000
II	Dự toán chi NSNN cấp			3.878.754.400
1	Dự toán chi thường xuyên thực hiện tự chủ theo NĐ 60/2021/NĐ-CP			3.863.435.400
-	Kinh phí giao khoán biên chế thực hiện tự chủ	072	13	3.817.938.000
-	Kinh phí tiền lương hợp đồng theo NĐ 68/2000	072	13	45.497.400
2	Dự toán chi thường xuyên không thực hiện tự chủ			15.319.000
-	Kinh phí chi trang phục và bồi dưỡng tiết dạy thể dục theo Quyết định 51/2012/QĐ-TTg	072	12	15.319.000

Bảng chữ: Ba tỷ, tám trăm bảy mươi tám triệu, bảy trăm năm mươi bốn ngàn, bốn trăm đồng.

- Dự toán trên đã trừ tiết kiệm 10% và bao gồm toàn bộ chi các chế độ, chính sách nhà nước ban hành đến ngày 01/01/2022 và thực hiện chế độ tiền lương tối thiểu theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP;

- Kinh phí hoạt động gồm: Công tác chuyên môn; nâng lương thường xuyên; hội nghị, tổng kết, sơ kết, mua sắm tài sản; sửa chữa; nâng cấp bảo trì các phần mềm và các hoạt động nhiệm vụ khác phát sinh tại đơn vị. Đề nghị đơn vị chủ động cân đối và sử dụng kinh phí có hiệu quả và tiết kiệm.

- Thực hiện lập Quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế quản lý, sử dụng tài sản công gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch và Kho bạc Nhà nước huyện Tam Nông để theo dõi quản lý theo Quy định.

CHỈ TIÊU NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 2413/QĐ-UBND-HC ngày 21 tháng 12 năm 2021
của Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông)

Đơn vị: Trường Tiểu học Phú Thành A1
Mã số đơn vị sử dụng ngân sách: 1041703
Chương 799 Loại 070 Khoản 072
Mã Kho bạc Nhà nước: 0664
Mã địa bàn hành chính: 871

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn NSNN	Số tiền
I	Tổng số thu, chi, nộp NS			17.500.000
1	Số thu hoạt động sự nghiệp theo quy định			17.500.000
2	Số chi hoạt động sự nghiệp được để lại			10.500.000
3	Số còn lại thực hiện cải cách tiền lương			7.000.000
II	Dự toán chi NSNN cấp			8.173.983.400
1	Dự toán chi thường xuyên thực hiện tự chủ theo ND 60/2021/ND-CP			8.077.283.400
-	Kinh phí giao khoán biên chế thực hiện tự chủ	072	13	8.031.786.000
-	Kinh phí tiền lương hợp đồng theo ND 68/2000	072	13	45.497.400
2	Dự toán chi thường xuyên không thực hiện tự chủ			96.700.000
-	Kinh phí chi hỗ trợ trẻ khuyết tật theo TTLT 42/2013	072	12	58.640.000
-	Kinh phí chi trang phục và bồi dưỡng tiết dạy thể dục theo Quyết định 51/2012/QĐ-TTg	072	12	38.060.000

Bảng chữ: Tám tỷ, một trăm bảy mươi ba triệu, chín trăm tám mươi ba ngàn, bốn trăm đồng.

- Dự toán trên đã trừ tiết kiệm 10% và bao gồm toàn bộ chi các chế độ, chính sách nhà nước ban hành đến ngày 01/01/2022 và thực hiện chế độ tiền lương tối thiểu theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP;

- Kinh phí hoạt động gồm: Công tác chuyên môn; nâng lương thường xuyên; hội nghị, tổng kết, sơ kết, mua sắm tài sản; sửa chữa; nâng cấp bảo trì các phần mềm và các hoạt động nhiệm vụ khác phát sinh tại đơn vị. Đề nghị đơn vị chủ động cân đối và sử dụng kinh phí có hiệu quả và tiết kiệm.

- Thực hiện lập Quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế quản lý, sử dụng tài sản công gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch và Kho bạc Nhà nước huyện Tam Nông để theo dõi quản lý theo Quy định.

CHỈ TIÊU NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 2413/QĐ-UBND-HC ngày 21 tháng 12 năm 2021
của Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông)

Đơn vị: Trường Tiểu học Phú Thành A2

Mã số đơn vị sử dụng ngân sách: 1041704

Chương 799 Loại 070 Khoản 072

Mã Kho bạc Nhà nước: 0664

Mã địa bàn hành chính: 871

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn NSNN	Số tiền
I	Tổng số thu, chi, nộp NS			4.000.000
1	Số thu hoạt động sự nghiệp theo quy định			4.000.000
2	Số chi hoạt động sự nghiệp được để lại			2.400.000
3	Số còn lại thực hiện cải cách tiền lương			1.600.000
II	Dự toán chi NSNN cấp			4.880.112.600
1	Dự toán chi thường xuyên thực hiện tự chủ theo ND 60/2021/ND-CP			4.857.848.400
-	Kinh phí giao khoán biên chế thực hiện tự chủ	072	13	4.812.351.000
-	Kinh phí tiền lương hợp đồng theo ND 68/2000	072	13	45.497.400
2	Dự toán chi thường xuyên không thực hiện tự chủ			22.264.200
-	Kinh phí chi trang phục và bồi dưỡng tiết dạy thể dục theo Quyết định 51/2012/QĐ-TTg	072	12	22.264.200

Bảng chữ: Bốn tỷ, tám trăm tám mươi triệu, một trăm mười hai ngàn, sáu trăm đồng.

- Dự toán trên đã trừ tiết kiệm 10% và bao gồm toàn bộ chi các chế độ, chính sách nhà nước ban hành đến ngày 01/01/2022 và thực hiện chế độ tiền lương tối thiểu theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP;

- Kinh phí hoạt động gồm: Công tác chuyên môn; nâng lương thường xuyên; hội nghị, tổng kết, sơ kết, mua sắm tài sản; sửa chữa; nâng cấp bảo trì các phần mềm và các hoạt động nhiệm vụ khác phát sinh tại đơn vị. Đề nghị đơn vị chủ động cân đối và sử dụng kinh phí có hiệu quả và tiết kiệm.

- Thực hiện lập Quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế quản lý, sử dụng tài sản công gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch và Kho bạc Nhà nước huyện Tam Nông để theo dõi quản lý theo Quy định.

CHỈ TIÊU NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 2413/QĐ-UBND-HC ngày 21 tháng 12 năm 2021
của Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông)

Đơn vị: Trường TH&THCS Phú Thành B

Mã số đơn vị sử dụng ngân sách: 1124472

Chương 799 Loại 070 Khoản 072

Mã Kho bạc Nhà nước: 0664

Mã địa bàn hành chính: 871

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn NSNN	Số tiền
I	Tổng số thu, chi, nộp NS			0
1	Số thu hoạt động sự nghiệp theo quy định			0
2	Số chi hoạt động sự nghiệp được để lại			0
3	Số còn lại thực hiện cải cách tiền lương			0
II	Dự toán chi NSNN cấp			1.869.792.500
1	Dự toán chi thường xuyên thực hiện tự chủ theo ND 60/2021/ND-CP			1.856.038.000
-	Kinh phí giao khoán biên chế thực hiện tự chủ	072	13	1.856.038.000
2	Dự toán chi thường xuyên không thực hiện tự chủ			13.754.500
-	Kinh phí chi trang phục và bồi dưỡng tiết dạy thể dục theo Quyết định 51/2012/QĐ-TTg	072	12	13.754.500

Bảng chữ: Một tỷ, tám trăm sáu mươi chín triệu, bảy trăm chín mươi hai ngàn, năm trăm đồng.

- Dự toán trên đã trừ tiết kiệm 10% và bao gồm toàn bộ chi các chế độ, chính sách nhà nước ban hành đến ngày 01/01/2022 và thực hiện chế độ tiền lương tối thiểu theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP;

- Kinh phí hoạt động gồm: Công tác chuyên môn; nâng lương thường xuyên; hội nghị, tổng kết, sơ kết, mua sắm tài sản; sửa chữa; nâng cấp bảo trì các phần mềm và các hoạt động nhiệm vụ khác phát sinh tại đơn vị. Đề nghị đơn vị chủ động cân đối và sử dụng kinh phí có hiệu quả và tiết kiệm.

- Thực hiện lập Quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế quản lý, sử dụng tài sản công gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch và Kho bạc Nhà nước huyện Tam Nông để theo dõi quản lý theo Quy định.

CHỈ TIÊU NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 2413/QĐ-UBND-HC ngày 21 tháng 12 năm 2021
của Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông)

Đơn vị: Trường Tiểu học Phú Thành B

Mã số đơn vị sử dụng ngân sách: 1022404

Chương 799 Loại 070 Khoản 072

Mã Kho bạc Nhà nước: 0664

Mã địa bàn hành chính: 871

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn NSNN	Số tiền
I	Tổng số thu, chi, nộp NS			50.500.000
1	Số thu hoạt động sự nghiệp theo quy định			50.500.000
2	Số chi hoạt động sự nghiệp được để lại			30.300.000
3	Số còn lại thực hiện cải cách tiền lương			20.200.000
II	Dự toán chi NSNN cấp			2.366.428.400
1	Dự toán chi thường xuyên thực hiện tự chủ theo ND 60/2021/ND-CP			2.355.430.400
-	Kinh phí giao khoán biên chế thực hiện tự chủ	072	13	2.309.933.000
-	Kinh phí tiền lương hợp đồng theo ND 68/2000	072	13	45.497.400
2	Dự toán chi thường xuyên không thực hiện tự chủ			10.998.000
-	Kinh phí chi trang phục và bồi dưỡng tiết dạy thể dục theo Quyết định 51/2012/QĐ-TTg	072	12	10.998.000

Bảng chữ: Hai tỷ, ba trăm sáu mươi sáu triệu, bốn trăm hai mươi tám ngàn, bốn trăm đồng.

- Dự toán trên đã trừ tiết kiệm 10% và bao gồm toàn bộ chi các chế độ, chính sách nhà nước ban hành đến ngày 01/01/2022 và thực hiện chế độ tiền lương tối thiểu theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP;

- Kinh phí hoạt động gồm: Công tác chuyên môn; nâng lương thường xuyên; hội nghị, tổng kết, sơ kết, mua sắm tài sản; sửa chữa; nâng cấp bảo trì các phần mềm và các hoạt động nhiệm vụ khác phát sinh tại đơn vị. Đề nghị đơn vị chủ động cân đối và sử dụng kinh phí có hiệu quả và tiết kiệm.

- Thực hiện lập Quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế quản lý, sử dụng tài sản công gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch và Kho bạc Nhà nước huyện Tam Nông để theo dõi quản lý theo Quy định.

CHỈ TIÊU NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 2413/QĐ-UBND-HC ngày 21 tháng 12 năm 2021
của Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông)

Đơn vị: Trường Tiểu học Phú Thọ

Mã số đơn vị sử dụng ngân sách: 1041706

Chương 799 Loại 070 Khoản 072

Mã Kho bạc Nhà nước: 0664

Mã địa bàn hành chính: 871

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn NSNN	Số tiền
I	Tổng số thu, chi, nộp NS			57.000.000
1	Số thu hoạt động sự nghiệp theo quy định			57.000.000
2	Số chi hoạt động sự nghiệp được để lại			34.200.000
3	Số còn lại thực hiện cải cách tiền lương			22.800.000
II	Dự toán chi NSNN cấp			7.169.573.200
1	Dự toán chi thường xuyên thực hiện tự chủ theo NĐ 60/2021/NĐ-CP			7.127.581.400
-	Kinh phí giao khoán biên chế thực hiện tự chủ	072	13	7.082.084.000
-	Kinh phí tiền lương hợp đồng theo NĐ 68/2000	072	13	45.497.400
2	Dự toán chi thường xuyên không thực hiện tự chủ			41.991.800
-	Kinh phí chi trang phục và bồi dưỡng tiết dạy thể dục theo Quyết định 51/2012/QĐ-TTg	072	12	41.991.800

Bảng chữ: Bảy tỷ, một trăm sáu mươi chín triệu, năm trăm bảy mươi ba ngàn, hai trăm đồng.

- Dự toán trên đã trừ tiết kiệm 10% và bao gồm toàn bộ chi các chế độ, chính sách nhà nước ban hành đến ngày 01/01/2022 và thực hiện chế độ tiền lương tối thiểu theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP;

- Kinh phí hoạt động gồm: Công tác chuyên môn; nâng lương thường xuyên; hội nghị, tổng kết, sơ kết, mua sắm tài sản; sửa chữa; nâng cấp bảo trì các phần mềm và các hoạt động nhiệm vụ khác phát sinh tại đơn vị. Đề nghị đơn vị chủ động cân đối và sử dụng kinh phí có hiệu quả và tiết kiệm.

- Thực hiện lập Quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế quản lý, sử dụng tài sản công gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch và Kho bạc Nhà nước huyện Tam Nông để theo dõi quản lý theo Quy định.

CHỈ TIÊU NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 2413/QĐ-UBND-HC ngày 21 tháng 12 năm 2021
của Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông)

Đơn vị: Trường Tiểu học Tràm Chim 1

Mã số đơn vị sử dụng ngân sách: 1041698

Chương 799 Loại 070 Khoản 072

Mã Kho bạc Nhà nước: 0664

Mã địa bàn hành chính: 871

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn NSNN	Số tiền
I	Tổng số thu, chi, nộp NS			33.000.000
1	Số thu hoạt động sự nghiệp theo quy định			33.000.000
2	Số chi hoạt động sự nghiệp được để lại			19.800.000
3	Số còn lại thực hiện cải cách tiền lương			13.200.000
II	Dự toán chi NSNN cấp			4.829.460.400
1	Dự toán chi thường xuyên thực hiện tự chủ theo ND 60/2021/ND-CP			4.804.037.400
-	Kinh phí giao khoán biên chế thực hiện tự chủ	072	13	4.758.540.000
-	Kinh phí tiền lương hợp đồng theo ND 68/2000	072	13	45.497.400
2	Dự toán chi thường xuyên không thực hiện tự chủ			25.423.000
-	Kinh phí chi trang phục và bồi dưỡng tiết dạy thể dục theo Quyết định 51/2012/QĐ-TTg	072	12	25.423.000

Bảng chữ: Bốn tỷ, tám trăm hai mươi chín triệu, bốn trăm sáu mươi ngàn, bốn trăm đồng.

- Dự toán trên đã trừ tiết kiệm 10% và bao gồm toàn bộ chi các chế độ, chính sách nhà nước ban hành đến ngày 01/01/2022 và thực hiện chế độ tiền lương tối thiểu theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP;

- Kinh phí hoạt động gồm: Công tác chuyên môn; nâng lương thường xuyên; hội nghị, tông kết, sơ kết, mua sắm tài sản; sửa chữa; nâng cấp bảo trì các phần mềm và các hoạt động nhiệm vụ khác phát sinh tại đơn vị. Đề nghị đơn vị chủ động cân đối và sử dụng kinh phí có hiệu quả và tiết kiệm.

- Thực hiện lập Quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế quản lý, sử dụng tài sản công gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch và Kho bạc Nhà nước huyện Tam Nông để theo dõi quản lý theo Quy định.

CHỈ TIÊU NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 2413/QĐ-UBND-HC ngày 21 tháng 12 năm 2021
của Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông)

Đơn vị: Trường Tiểu học Tràm Chim 2

Mã số đơn vị sử dụng ngân sách: 1041699

Chương 799 Loại 070 Khoản 072

Mã Kho bạc Nhà nước: 0664

Mã địa bàn hành chính: 871

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn NSNN	Số tiền
I	Tổng số thu, chi, nộp NS			30.000.000
1	Số thu hoạt động sự nghiệp theo quy định			30.000.000
2	Số chi hoạt động sự nghiệp được để lại			18.000.000
3	Số còn lại thực hiện cải cách tiền lương			12.000.000
II	Dự toán chi NSNN cấp			6.251.844.400
1	Dự toán chi thường xuyên thực hiện tự chủ theo ND 60/2021/ND-CP			6.203.546.400
-	Kinh phí giao khoán biên chế thực hiện tự chủ	072	13	6.158.049.000
-	Kinh phí tiền lương hợp đồng theo ND 68/2000	072	13	45.497.400
2	Dự toán chi thường xuyên không thực hiện tự chủ			48.298.000
-	Kinh phí chi hỗ trợ trẻ khuyết tật theo TTLT 42/2013	072	12	11.728.000
-	Kinh phí chi trang phục và bồi dưỡng tiết dạy thể dục theo Quyết định 51/2012/QĐ-TTg	072	12	36.570.000

Bảng chữ: Sáu tỷ, hai trăm năm mươi một triệu, tám trăm bốn mươi bốn ngàn, bốn trăm đồng.

- Dự toán trên đã trừ tiết kiệm 10% và bao gồm toàn bộ chi các chế độ, chính sách nhà nước ban hành đến ngày 01/01/2022 và thực hiện chế độ tiền lương tối thiểu theo Nghị định 38/2019/ND-CP;

- Kinh phí hoạt động gồm: Công tác chuyên môn; nâng lương thường xuyên; hội nghị, tổng kết, sơ kết, mua sắm tài sản; sửa chữa; nâng cấp bảo trì các phần mềm và các hoạt động nhiệm vụ khác phát sinh tại đơn vị. Đề nghị đơn vị chủ động cân đối và sử dụng kinh phí có hiệu quả và tiết kiệm.

- Thực hiện lập Quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế quản lý, sử dụng tài sản công gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch và Kho bạc Nhà nước huyện Tam Nông để theo dõi quản lý theo Quy định.

CHỈ TIÊU NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 2413/QĐ-UBND-HC ngày 21 tháng 12 năm 2021
của Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông)

Đơn vị: Trường Tiểu học Tân Công Sính

Mã số đơn vị sử dụng ngân sách: 1041697

Chương 799 Loại 070 Khoản 072

Mã Kho bạc Nhà nước: 0664

Mã địa bàn hành chính: 871

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn NSNN	Số tiền
I	Tổng số thu, chi, nộp NS			127.000.000
1	Số thu hoạt động sự nghiệp theo quy định			127.000.000
2	Số chi hoạt động sự nghiệp được để lại			76.200.000
3	Số còn lại thực hiện cải cách tiền lương			50.800.000
II	Dự toán chi NSNN cấp			6.090.767.400
1	Dự toán chi thường xuyên thực hiện tự chủ theo ND 60/2021/ND-CP			5.999.235.400
-	Kinh phí giao khoán biên chế thực hiện tự chủ	072	13	5.953.738.000
-	Kinh phí tiền lương hợp đồng theo ND 68/2000	072	13	45.497.400
2	Dự toán chi thường xuyên không thực hiện tự chủ			91.532.000
-	Kinh phí chi hỗ trợ trẻ khuyết tật theo TTLT 42/2013	072	12	35.184.000
-	Kinh phí Phụ cấp lớp ghép 2-3 trình độ	072	12	26.753.000
-	Kinh phí chi trang phục và bồi dưỡng tiết dạy thể dục theo Quyết định 51/2012/QĐ-TTg	072	12	29.595.000

Bằng chữ: Sáu tỷ, không trăm chín mươi triệu, bảy trăm sáu mươi bảy ngàn, bốn trăm đồng.

- Dự toán trên đã trừ tiết kiệm 10% và bao gồm toàn bộ chi các chế độ, chính sách nhà nước ban hành đến ngày 01/01/2022 và thực hiện chế độ tiền lương tối thiểu theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP;

- Kinh phí hoạt động gồm: Công tác chuyên môn; nâng lương thường xuyên; hội nghị, tổng kết, sơ kết, mua sắm tài sản; sửa chữa; nâng cấp bảo trì các phần mềm và các hoạt động nhiệm vụ khác phát sinh tại đơn vị. Đề nghị đơn vị chủ động cân đối và sử dụng kinh phí có hiệu quả và tiết kiệm.

- Thực hiện lập Quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế quản lý, sử dụng tài sản công gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch và Kho bạc Nhà nước huyện Tam Nông để theo dõi quản lý theo Quy định.

CHỈ TIÊU NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 2413/QĐ-UBND-HC ngày 21 tháng 12 năm 2021
của Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông)

Đơn vị: Trường Tiểu học Phú Cường 1

Mã số đơn vị sử dụng ngân sách: 1041923

Chương 799 Loại 070 Khoản 072

Mã Kho bạc Nhà nước: 0664

Mã địa bàn hành chính: 871

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn NSNN	Số tiền
I	Tổng số thu, chi, nộp NS			0
1	Số thu hoạt động sự nghiệp theo quy định			0
2	Số chi hoạt động sự nghiệp được để lại			0
3	Số còn lại thực hiện cải cách tiền lương			0
II	Dự toán chi NSNN cấp			5.343.075.400
1	Dự toán chi thường xuyên thực hiện tự chủ theo ND 60/2021/ND-C			5.282.794.400
-	Kinh phí giao khoán biên chế thực hiện tự chủ	072	13	5.237.297.000
-	Kinh phí tiền lương hợp đồng theo ND 68/2000	072	13	45.497.400
2	Dự toán chi thường xuyên không thực hiện tự chủ			60.281.000
-	Kinh phí chi hỗ trợ trẻ khuyết tật theo TTLT 42/2013	072	12	35.184.000
-	Kinh phí chi trang phục và bồi dưỡng tiết dạy thể dục theo Quyết định 51/2012/QĐ-TTg	072	12	25.097.000

Bằng chữ: Năm tỷ, ba trăm bốn mươi ba triệu, không trăm bảy mươi lăm ngàn, bốn trăm đồng.

- Dự toán trên đã trừ tiết kiệm 10% và bao gồm toàn bộ chi các chế độ, chính sách nhà nước ban hành đến ngày 01/01/2022 và thực hiện chế độ tiền lương tối thiểu theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP;

- Kinh phí hoạt động gồm: Công tác chuyên môn; nâng lương thường xuyên; hội nghị, tổng kết, sơ kết, mua sắm tài sản; sửa chữa; nâng cấp bảo trì các phần mềm và các hoạt động nhiệm vụ khác phát sinh tại đơn vị. Đề nghị đơn vị chủ động cân đối và sử dụng kinh phí có hiệu quả và tiết kiệm.

- Thực hiện lập Quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế quản lý, sử dụng tài sản công gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch và Kho bạc Nhà nước huyện Tam Nông để theo dõi quản lý theo Quy định.

CHỈ TIÊU NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 2413/QĐ-UBND-HC ngày 21 tháng 12 năm 2021
của Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông)

Đơn vị: Trường Tiểu học Phú Cường 2

Mã số đơn vị sử dụng ngân sách: 1041924

Chương 799 Loại 070 Khoản 072

Mã Kho bạc Nhà nước: 0664

Mã địa bàn hành chính: 871

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn NSNN	Số tiền
I	Tổng số thu, chi, nộp NS			16.000.000
1	Số thu hoạt động sự nghiệp theo quy định			16.000.000
2	Số chi hoạt động sự nghiệp được để lại			9.600.000
3	Số còn lại thực hiện cải cách tiền lương			6.400.000
II	Dự toán chi NSNN cấp			4.860.342.400
1	Dự toán chi thường xuyên thực hiện tự chủ theo NĐ 60/2021/NĐ-CP			4.838.942.400
-	Kinh phí giao khoán biên chế thực hiện tự chủ	072	13	4.793.445.000
-	Kinh phí tiền lương hợp đồng theo NĐ 68/2000	072	13	45.497.400
2	Dự toán chi thường xuyên không thực hiện tự chủ			21.400.000
-	Kinh phí chi trang phục và bồi dưỡng tiết dạy thể dục theo Quyết định 51/2012/QĐ-TTg	072	12	21.400.000

Bảng chữ: Bốn tỷ, tám trăm sáu mươi triệu, ba trăm bốn mươi hai ngàn, bốn trăm đồng.

- Dự toán trên đã trừ tiết kiệm 10% và bao gồm toàn bộ chi các chế độ, chính sách nhà nước ban hành đến ngày 01/01/2022 và thực hiện chế độ tiền lương tối thiểu theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP;

- Kinh phí hoạt động gồm: Công tác chuyên môn; nâng lương thường xuyên; hội nghị, tổng kết, sơ kết, mua sắm tài sản; sửa chữa; nâng cấp bảo trì các phần mềm và các hoạt động nhiệm vụ khác phát sinh tại đơn vị. Đề nghị đơn vị chủ động cân đối và sử dụng kinh phí có hiệu quả và tiết kiệm.

- Thực hiện lập Quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế quản lý, sử dụng tài sản công gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch và Kho bạc Nhà nước huyện Tam Nông để theo dõi quản lý theo Quy định.

CHỈ TIÊU NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 2413/QĐ-UBND-HC ngày 21 tháng 12 năm 2021
của Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông)

Đơn vị: Trường Tiểu học Phú Đức

Mã số đơn vị sử dụng ngân sách: 1044392

Chương 799 Loại 070 Khoản 072

Mã Kho bạc Nhà nước: 0664

Mã địa bàn hành chính: 871

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn NSNN	Số tiền
I	Tổng số thu, chi, nộp NS			4.000.000
1	Số thu hoạt động sự nghiệp theo quy định			4.000.000
2	Số chi hoạt động sự nghiệp được để lại			2.400.000
3	Số còn lại thực hiện cải cách tiền lương			1.600.000
II	Dự toán chi NSNN cấp			4.598.683.400
1	Dự toán chi thường xuyên thực hiện tự chủ theo NĐ 60/2021/NĐ-CP			4.575.346.400
-	Kinh phí giao khoán biên chế thực hiện tự chủ	072	13	4.529.849.000
-	Kinh phí tiền lương hợp đồng theo NĐ 68/2000	072	13	45.497.400
2	Dự toán chi thường xuyên không thực hiện tự chủ			23.337.000
-	Kinh phí chi trang phục và bồi dưỡng tiết dạy thể dục theo Quyết định 51/2012/QĐ-TTg	072	12	23.337.000

Bảng chữ: Bốn tỷ, năm trăm chín mươi tám triệu, sáu trăm tám mươi ba ngàn, bốn trăm đồng.

- Dự toán trên đã trừ tiết kiệm 10% và bao gồm toàn bộ chi các chế độ, chính sách nhà nước ban hành đến ngày 01/01/2022 và thực hiện chế độ tiền lương tối thiểu theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP;

- Kinh phí hoạt động gồm: Công tác chuyên môn; nâng lương thường xuyên; hội nghị, tổng kết, sơ kết, mua sắm tài sản; sửa chữa; nâng cấp bảo trì các phần mềm và các hoạt động nhiệm vụ khác phát sinh tại đơn vị. Đề nghị đơn vị chủ động cân đối và sử dụng kinh phí có hiệu quả và tiết kiệm.

- Thực hiện lập Quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế quản lý, sử dụng tài sản công gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch và Kho bạc Nhà nước huyện Tam Nông để theo dõi quản lý theo Quy định.

CHỈ TIÊU NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 2413/QĐ-UBND-HC ngày 21 tháng 12 năm 2021
của Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông)

Đơn vị: Trường TH &THCS Phú Xuân

Mã số đơn vị sử dụng ngân sách: 1095346

Chương 799 Loại 070 Khoản 072

Mã Kho bạc Nhà nước: 0664

Mã địa bàn hành chính: 871

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn NSNN	Số tiền
I	Tổng số thu, chi, nộp NS			0
1	Số thu hoạt động sự nghiệp theo quy định			0
2	Số chi hoạt động sự nghiệp được để lại			0
3	Số còn lại thực hiện cải cách tiền lương			0
II	Dự toán chi NSNN cấp			2.249.058.000
1	Dự toán chi thường xuyên thực hiện tự chủ theo ND 60/2021/ND-CP			2.238.954.000
-	Kinh phí giao khoán biên chế thực hiện tự chủ	072	13	2.238.954.000
2	Dự toán chi thường xuyên không thực hiện tự chủ			10.104.000
-	Kinh phí chi trang phục và bồi dưỡng tiết dục thể dục theo Quyết định 51/2012/QĐ-TTg	072	12	10.104.000

Bảng chữ: Hai tỷ, hai trăm bốn mươi chín triệu, không trăm năm mươi tám ngàn đồng.

- Dự toán trên đã trừ tiết kiệm 10% và bao gồm toàn bộ chi các chế độ, chính sách nhà nước ban hành đến ngày 01/01/2022 và thực hiện chế độ tiền lương tối thiểu theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP;

- Kinh phí hoạt động gồm: Công tác chuyên môn; nâng lương thường xuyên; hội nghị, tổng kết, sơ kết, mua sắm tài sản; sửa chữa; nâng cấp bảo trì các phần mềm và các hoạt động nhiệm vụ khác phát sinh tại đơn vị. Đề nghị đơn vị chủ động cân đối và sử dụng kinh phí có hiệu quả và tiết kiệm.

- Thực hiện lập Quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế quản lý, sử dụng tài sản công gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch và Kho bạc Nhà nước huyện Tam Nông để theo dõi quản lý theo Quy định.

CHỈ TIÊU NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 2413/QĐ-UBND-HC ngày 21 tháng 12 năm 2021
của Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông)

Đơn vị: Trường Tiểu học Phú Hiệp 1

Mã số đơn vị sử dụng ngân sách: 1041925

Chương 799 Loại 070 Khoản 072

Mã Kho bạc Nhà nước: 0664

Mã địa bàn hành chính: 871

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn NSNN	Số tiền
I	Tổng số thu, chi, nộp NS			4.000.000
1	Số thu hoạt động sự nghiệp theo quy định			4.000.000
2	Số chi hoạt động sự nghiệp được để lại			2.400.000
3	Số còn lại thực hiện cải cách tiền lương			1.600.000
II	Dự toán chi NSNN cấp			4.859.240.400
1	Dự toán chi thường xuyên thực hiện tự chủ theo ND 60/2021/ND-CP			4.822.089.400
-	Kinh phí giao khoán biên chế thực hiện tự chủ	072	13	4.776.592.000
2	Dự toán chi thường xuyên không thực hiện tự chủ			37.151.000
-	Kinh phí chi hỗ trợ trẻ khuyết tật theo TTLT 42/2013	072	12	11.728.000
-	Kinh phí chi trang phục và bồi dưỡng tiết dạy thể dục theo Quyết định 51/2012/QĐ-TTg	072	12	25.423.000

Bảng chữ: Bốn tỷ, tám trăm năm mươi chín triệu, hai trăm bốn mươi ngàn, bốn trăm đồng.

- Dự toán trên đã trừ tiết kiệm 10% và bao gồm toàn bộ chi các chế độ, chính sách nhà nước ban hành đến ngày 01/01/2022 và thực hiện chế độ tiền lương tối thiểu theo Nghị định 38/2019/ND-CP;

- Kinh phí hoạt động gồm: Công tác chuyên môn; nâng lương thường xuyên; hội nghị, tổng kết, sơ kết, mua sắm tài sản; sửa chữa; nâng cấp bảo trì các phần mềm và các hoạt động nhiệm vụ khác phát sinh tại đơn vị. Đề nghị đơn vị chủ động cân đối và sử dụng kinh phí có hiệu quả và tiết kiệm.

- Thực hiện lập Quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế quản lý, sử dụng tài sản công gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch và Kho bạc Nhà nước huyện Tam Nông để theo dõi quản lý theo Quy định.

CHỈ TIÊU NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 2413/QĐ-UBND-HC ngày 21 tháng 12 năm 2021
của Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông)

Đơn vị: Trường Tiểu học Phú Hiệp 2

Mã số đơn vị sử dụng ngân sách: 1041927

Chương 799 Loại 070 Khoản 072

Mã Kho bạc Nhà nước: 0664

Mã địa bàn hành chính: 871

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn NSNN	Số tiền
I	Tổng số thu, chi, nộp NS			5.000.000
1	Số thu hoạt động sự nghiệp theo quy định			5.000.000
2	Số chi hoạt động sự nghiệp được để lại			3.000.000
3	Số còn lại thực hiện cải cách tiền lương			2.000.000
II	Dự toán chi NSNN cấp			2.803.041.400
1	Dự toán chi thường xuyên thực hiện tự chủ theo NĐ 60/2021/NĐ-CP			2.780.613.400
-	Kinh phí giao khoán biên chế thực hiện tự chủ	072	13	2.735.116.000
-	Kinh phí tiền lương hợp đồng theo NĐ 68/2000	072	13	45.497.400
2	Dự toán chi thường xuyên không thực hiện tự chủ			22.428.000
-	Kinh phí chi hỗ trợ trẻ khuyết tật theo TTLT 42/2013	072	12	11.728.000
-	Kinh phí chi trang phục và bồi dưỡng tiết dạy thể dục theo Quyết định 51/2012/QĐ-TTg	072	12	10.700.000

Bằng chữ: Hai tỷ, tám trăm lẻ ba triệu, không trăm bốn mươi một ngàn, bốn trăm đồng.

- Dự toán trên đã trừ tiết kiệm 10% và bao gồm toàn bộ chi các chế độ, chính sách nhà nước ban hành đến ngày 01/01/2022 và thực hiện chế độ tiền lương tối thiểu theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP;

- Kinh phí hoạt động gồm: Công tác chuyên môn; nâng lương thường xuyên; hội nghị, tổng kết, sơ kết, mua sắm tài sản; sửa chữa; nâng cấp bảo trì các phần mềm và các hoạt động nhiệm vụ khác phát sinh tại đơn vị. Đề nghị đơn vị chủ động cân đối và sử dụng kinh phí có hiệu quả và tiết kiệm.

- Thực hiện lập Quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế quản lý, sử dụng tài sản công gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch và Kho bạc Nhà nước huyện Tam Nông để theo dõi quản lý theo Quy định.

CHỈ TIÊU NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 2413/QĐ-UBND-HC ngày 21 tháng 12 năm 2021
của Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông)

Đơn vị: Trường Tiểu học Hòa Bình 1

Mã số đơn vị sử dụng ngân sách: 1041922

Chương 799 Loại 070 Khoản 072

Mã Kho bạc Nhà nước: 0664

Mã địa bàn hành chính: 871

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn NSNN	Số tiền
I	Tổng số thu, chi, nộp NS			0
1	Số thu hoạt động sự nghiệp theo quy định			0
2	Số chi hoạt động sự nghiệp được để lại			0
3	Số còn lại thực hiện cải cách tiền lương			0
II	Dự toán chi NSNN cấp			2.785.981.600
1	Dự toán chi thường xuyên thực hiện tự chủ theo NĐ 60/2021/NĐ-CP			2.694.717.400
-	Kinh phí giao khoán biên chế thực hiện tự chủ	072	13	2.649.220.000
-	Kinh phí tiền lương hợp đồng theo NĐ 68/2000	072	13	45.497.400
2	Dự toán chi thường xuyên không thực hiện tự chủ			91.264.200
-	Kinh phí Phụ cấp lớp ghép 2-3 trình độ	072	12	79.267.900
-	Kinh phí chi trang phục và bồi dưỡng tiết dạy thể dục theo Quyết định 51/2012/QĐ-TTg	072	12	11.996.300

Bảng chữ: Hai tỷ, bảy trăm tám mươi lăm triệu, chín trăm tám mươi một ngàn, sáu trăm đồng.

- Dự toán trên đã trừ tiết kiệm 10% và bao gồm toàn bộ chi các chế độ, chính sách nhà nước ban hành đến ngày 01/01/2022 và thực hiện chế độ tiền lương tối thiểu theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP;

- Kinh phí hoạt động gồm: Công tác chuyên môn; nâng lương thường xuyên; hội nghị, tổng kết, sơ kết, mua sắm tài sản; sửa chữa; nâng cấp bảo trì các phần mềm và các hoạt động nhiệm vụ khác phát sinh tại đơn vị. Đề nghị đơn vị chủ động cân đối và sử dụng kinh phí có hiệu quả và tiết kiệm.

- Thực hiện lập Quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế quản lý, sử dụng tài sản công gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch và Kho bạc Nhà nước huyện Tam Nông để theo dõi quản lý theo Quy định.

CHỈ TIÊU NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 2413/QĐ-UBND-HC ngày 21 tháng 12 năm 2021
của Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông)

Đơn vị: Trường Tiểu học Hòa Bình 2

Mã số đơn vị sử dụng ngân sách: 1039448

Chương 799 Loại 070 Khoản 072

Mã Kho bạc Nhà nước: 0664

Mã địa bàn hành chính: 871

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn NSNN	Số tiền
I	Tổng số thu, chi, nộp NS			15.000.000
1	Số thu hoạt động sự nghiệp theo quy định			15.000.000
2	Số chi hoạt động sự nghiệp được để lại			9.000.000
3	Số còn lại thực hiện cải cách tiền lương			6.000.000
II	Dự toán chi NSNN cấp			3.901.697.400
1	Dự toán chi thường xuyên thực hiện tự chủ theo NĐ 60/2021/NĐ-CP			3.858.033.400
-	Kinh phí giao khoán biên chế thực hiện tự chủ	072	13	3.812.536.000
-	Kinh phí tiền lương hợp đồng theo NĐ 68/2000	072	13	45.497.400
2	Dự toán chi thường xuyên không thực hiện tự chủ			43.664.000
-	Kinh phí chi hỗ trợ trẻ khuyết tật theo TTLT 42/2013	072	12	23.456.000
-	Kinh phí chi trang phục và bồi dưỡng tiết dạy thể dục theo Quyết định 51/2012/QĐ-TTg	072	12	20.208.000

Bảng chữ: Ba tỷ, chín trăm lẻ một triệu, sáu trăm chín mươi bảy ngàn, bốn trăm đồng.

- Dự toán trên đã trừ tiết kiệm 10% và bao gồm toàn bộ chi các chế độ, chính sách nhà nước ban hành đến ngày 01/01/2022 và thực hiện chế độ tiền lương tối thiểu theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP;

- Kinh phí hoạt động gồm: Công tác chuyên môn; nâng lương thường xuyên; hội nghị, tổng kết, sơ kết, mua sắm tài sản; sửa chữa; nâng cấp bảo trì các phần mềm và các hoạt động nhiệm vụ khác phát sinh tại đơn vị. Đề nghị đơn vị chủ động cân đối và sử dụng kinh phí có hiệu quả và tiết kiệm.

- Thực hiện lập Quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế quản lý, sử dụng tài sản công gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch và Kho bạc Nhà nước huyện Tam Nông để theo dõi quản lý theo Quy định.

CHỈ TIÊU NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 2413/QĐ-UBND-HC ngày 21 tháng 12 năm 2021
của Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông)

Đơn vị: Trường THCS An Hòa

Mã số đơn vị sử dụng ngân sách: 1041700

Chương 799 Loại 070 Khoản 073

Mã Kho bạc Nhà nước: 0664

Mã địa bàn hành chính: 871

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn NSNN	Số tiền
I	Tổng số thu, chi, nộp NS			165.000.000
1	Số thu học phí; sự nghiệp			165.000.000
2	Chi từ nguồn thu học phí, sự nghiệp được để lại			99.000.000
3	Số còn lại thực hiện cải cách tiền lương			66.000.000
II	Dự toán chi NSNN cấp			3.794.738.400
1	Dự toán chi thường xuyên thực hiện tự chủ theo NĐ 60/2021/NĐ-CP			3.765.840.400
-	Kinh phí giao khoán biên chế thực hiện tự chủ	073	13	3.720.343.000
-	Kinh phí tiền lương hợp đồng theo NĐ 68/2000	073	13	45.497.400
2	Dự toán chi thường xuyên không thực hiện tự chủ			28.898.000
-	Kinh phí chi hỗ trợ trẻ khuyết tật theo TTLT 42/2013	073	12	15.637.000
-	Kinh phí chi trang phục và bồi dưỡng tiết dạy thể dục theo Quyết định 51/2012/QĐ-TTg	073	12	13.261.000

Bảng chữ: Ba tỷ, bảy trăm chín mươi bốn triệu, bảy trăm ba mươi tám ngàn, bốn trăm đồng.

- Dự toán trên đã trừ tiết kiệm 10% và bao gồm toàn bộ chi các chế độ, chính sách nhà nước ban hành đến ngày 01/01/2022 và thực hiện chế độ tiền lương tối thiểu theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP;

- Kinh phí hoạt động gồm: Công tác chuyên môn; nâng lương thường xuyên; hội nghị, tổng kết, sơ kết, mua sắm tài sản; sửa chữa; nâng cấp bảo trì các phần mềm và các hoạt động nhiệm vụ khác phát sinh tại đơn vị. Đề nghị đơn vị chủ động cân đối và sử dụng kinh phí có hiệu quả và tiết kiệm.

- Thực hiện lập Quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế quản lý, sử dụng tài sản công gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch và Kho bạc Nhà nước huyện Tam Nông để theo dõi quản lý theo Quy định.

CHỈ TIÊU NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 2413/QĐ-UBND-HC ngày 21 tháng 12 năm 2021
của Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông)

Đơn vị: Trường THCS Phú Ninh

Mã số đơn vị sử dụng ngân sách: 1030071

Chương 799 Loại 070 Khoản 073

Mã Kho bạc Nhà nước: 0664

Mã địa bàn hành chính: 871

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn NSNN	Số tiền
I	Tổng số thu, chi, nộp NS			347.000.000
1	Số thu học phí; sự nghiệp			347.000.000
2	Chi từ nguồn thu học phí, sự nghiệp được để lại			208.200.000
3	Số còn lại thực hiện cải cách tiền lương			138.800.000
II	Dự toán chi NSNN cấp			9.718.411.600
1	Dự toán chi thường xuyên thực hiện tự chủ theo ND 60/2021/ND-CP			9.672.443.400
-	Kinh phí giao khoán biên chế thực hiện tự chủ	073	13	9.626.946.000
-	Kinh phí tiền lương hợp đồng theo ND 68/2000	073	13	45.497.400
2	Dự toán chi thường xuyên không thực hiện tự chủ			45.968.200
-	Kinh phí chi hỗ trợ trẻ khuyết tật theo TTLT 42/2013	073	12	11.728.000
-	Kinh phí chi trang phục và bồi dưỡng tiết dạy thể dục theo Quyết định 51/2012/QĐ-TTg	073	12	34.240.200

Bảng chữ: Chín tỷ, bảy trăm mười tám triệu, bốn trăm mười một ngàn, sáu trăm đồng.

- Dự toán trên đã trừ tiết kiệm 10% và bao gồm toàn bộ chi các chế độ, chính sách nhà nước ban hành đến ngày 01/01/2022 và thực hiện chế độ tiền lương tối thiểu theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP;

- Kinh phí hoạt động gồm: Công tác chuyên môn; nâng lương thường xuyên; hội nghị, tổng kết, sơ kết, mua sắm tài sản; sửa chữa; nâng cấp bảo trì các phần mềm và các hoạt động nhiệm vụ khác phát sinh tại đơn vị. Đề nghị đơn vị chủ động cân đối và sử dụng kinh phí có hiệu quả và tiết kiệm.

- Thực hiện lập Quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế quản lý, sử dụng tài sản công gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch và Kho bạc Nhà nước huyện Tam Nông để theo dõi quản lý theo Quy định.

CHỈ TIÊU NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 2413/QĐ-UBND-HC ngày 21 tháng 12 năm 2021
của Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông)

Đơn vị: Trường TH&THCS Phú Thành B

Mã số đơn vị sử dụng ngân sách: 1124472

Chương 799 Loại 070 Khoản 073

Mã Kho bạc Nhà nước: 0664

Mã địa bàn hành chính: 871

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn NSNN	Số tiền
I	Tổng số thu, chi, nộp NS			51.000.000
1	Số thu học phí; sự nghiệp			51.000.000
2	Chi từ nguồn thu học phí, sự nghiệp được để lại			30.600.000
3	Số còn lại thực hiện cải cách tiền lương			20.400.000
II	Dự toán chi NSNN cấp			2.935.423.900
1	Dự toán chi thường xuyên thực hiện tự chủ theo ND 60/2021/ND-CP			2.926.111.400
-	Kinh phí giao khoán biên chế thực hiện tự chủ	073	13	2.880.614.000
-	Kinh phí tiền lương hợp đồng theo ND 68/2000	073	13	45.497.400
2	Dự toán chi thường xuyên không thực hiện tự chủ			9.312.500
-	Kinh phí chi trang phục và bồi dưỡng tiết dạy thể dục theo Quyết định 51/2012/QĐ-TTg	073	12	9.312.500

Bằng chữ: Hai tỷ, chín trăm ba mươi lăm triệu, bốn trăm hai mươi ba ngàn, chín trăm đồng.

- Dự toán trên đã trừ tiết kiệm 10% và bao gồm toàn bộ chi các chế độ, chính sách nhà nước ban hành đến ngày 01/01/2022 và thực hiện chế độ tiền lương tối thiểu theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP;

- Kinh phí hoạt động gồm: Công tác chuyên môn; nâng lương thường xuyên; hội nghị, tổng kết, sơ kết, mua sắm tài sản; sửa chữa; nâng cấp bảo trì các phần mềm và các hoạt động nhiệm vụ khác phát sinh tại đơn vị. Đề nghị đơn vị chủ động cân đối và sử dụng kinh phí có hiệu quả và tiết kiệm.

- Thực hiện lập Quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế quản lý, sử dụng tài sản công gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch và Kho bạc Nhà nước huyện Tam Nông để theo dõi quản lý theo Quy định.

CHỈ TIÊU NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 2413/QĐ-UBND-HC ngày 21 tháng 12 năm 2021
của Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông)

Đơn vị: Trường THCS Phú Thọ

Mã số đơn vị sử dụng ngân sách: 1041691

Chương 799 Loại 070 Khoản 073

Mã Kho bạc Nhà nước: 0664

Mã địa bàn hành chính: 871

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn NSNN	Số tiền
I	Tổng số thu, chi, nộp NS			101.000.000
1	Số thu học phí; sự nghiệp			101.000.000
2	Chi từ nguồn thu học phí, sự nghiệp được để lại			60.600.000
3	Số còn lại thực hiện cải cách tiền lương			40.400.000
II	Dự toán chi NSNN cấp			4.077.441.800
1	Dự toán chi thường xuyên thực hiện tự chủ theo NĐ 60/2021/NĐ-CP			4.064.985.400
-	Kinh phí giao khoán biên chế thực hiện tự chủ	073	13	4.019.488.000
-	Kinh phí tiền lương hợp đồng theo NĐ 68/2000	073	13	45.497.400
2	Dự toán chi thường xuyên không thực hiện tự chủ			12.456.400
-	Kinh phí chi trang phục và bồi dưỡng tiết dạy thể dục theo Quyết định 51/2012/QĐ-TTg	073	12	12.456.400

Bằng chữ: Bốn tỷ, không trăm bảy mươi bảy triệu, bốn trăm bốn mươi một ngàn, tám trăm đồng.

- Dự toán trên đã trừ tiết kiệm 10% và bao gồm toàn bộ chi các chế độ, chính sách nhà nước ban hành đến ngày 01/01/2022 và thực hiện chế độ tiền lương tối thiểu theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP;

- Kinh phí hoạt động gồm: Công tác chuyên môn; nâng lương thường xuyên; hội nghị, tổng kết, sơ kết, mua sắm tài sản; sửa chữa; nâng cấp bảo trì các phần mềm và các hoạt động nhiệm vụ khác phát sinh tại đơn vị. Đề nghị đơn vị chủ động cân đối và sử dụng kinh phí có hiệu quả và tiết kiệm.

- Thực hiện lập Quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế quản lý, sử dụng tài sản công gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch và Kho bạc Nhà nước huyện Tam Nông để theo dõi quản lý theo Quy định.

CHỈ TIÊU NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 2413/QĐ-UBND-HC ngày 21 tháng 12 năm 2021
của Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông)

Đơn vị: Trường THCS Tràm Chim

Mã số đơn vị sử dụng ngân sách: 1030074

Chương 799 Loại 070 Khoản 073

Mã Kho bạc Nhà nước: 0664

Mã địa bàn hành chính: 871

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn NSNN	Số tiền
I	Tổng số thu, chi, nộp NS			590.000.000
1	Số thu học phí; sự nghiệp			590.000.000
2	Chi từ nguồn thu học phí; sự nghiệp được để lại			354.000.000
3	Số còn lại thực hiện cải cách tiền lương			236.000.000
II	Dự toán chi NSNN cấp			10.059.173.400
1	Dự toán chi thường xuyên thực hiện tự chủ theo ND 60/2021/ND-CP			10.000.851.400
-	Kinh phí giao khoán biên chế thực hiện tự chủ	073	13	9.955.354.000
-	Kinh phí tiền lương hợp đồng theo ND 68/2000	073	13	45.497.400
2	Dự toán chi thường xuyên không thực hiện tự chủ			58.322.000
-	Kinh phí chi hỗ trợ trẻ khuyết tật theo TTLT 42/2013	073	12	23.456.000
-	Kinh phí chi trang phục và bồi dưỡng tiết dạy thể dục theo Quyết định 51/2012/QĐ-TTg	073	12	34.866.000

Bằng chữ: Mười tỷ, không trăm năm mươi chín triệu, một trăm bảy mươi ba ngàn, bốn trăm đồng.

- Dự toán trên đã trừ tiết kiệm 10% và bao gồm toàn bộ chi các chế độ, chính sách nhà nước ban hành đến ngày 01/01/2022 và thực hiện chế độ tiền lương tối thiểu theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP;

- Kinh phí hoạt động gồm: Công tác chuyên môn; nâng lương thường xuyên; hội nghị, tổng kết, sơ kết, mua sắm tài sản; sửa chữa; nâng cấp bảo trì các phần mềm và các hoạt động nhiệm vụ khác phát sinh tại đơn vị. Đề nghị đơn vị chủ động cân đối và sử dụng kinh phí có hiệu quả và tiết kiệm.

- Thực hiện lập Quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế quản lý, sử dụng tài sản công gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch và Kho bạc Nhà nước huyện Tam Nông để theo dõi quản lý theo Quy định.

CHỈ TIÊU NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 2413/QĐ-UBND-HC ngày 21 tháng 12 năm 2021
của Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông)

Đơn vị: Trường THCS Tân Công Sính

Mã số đơn vị sử dụng ngân sách: 1030073

Chương 799 Loại 070 Khoản 073

Mã Kho bạc Nhà nước: 0664

Mã địa bàn hành chính: 871

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn NSNN	Số tiền
I	Tổng số thu, chi, nộp NS			60.000.000
1	Số thu học phí; sự nghiệp			60.000.000
2	Chi từ nguồn thu học phí, sự nghiệp được để lại			36.000.000
3	Số còn lại thực hiện cải cách tiền lương			24.000.000
II	Dự toán chi NSNN cấp			3.006.154.100
1	Dự toán chi thường xuyên thực hiện tự chủ theo ND 60/2021/ND-C			2.972.521.400
-	Kinh phí giao khoán biên chế thực hiện tự chủ	073	13	2.927.024.000
-	Kinh phí tiền lương hợp đồng theo ND 68/2000	073	13	45.497.400
2	Dự toán chi thường xuyên không thực hiện tự chủ			33.632.700
-	Kinh phí chi hỗ trợ trẻ khuyết tật theo TTLT 42/2013	073	12	23.456.000
-	Kinh phí chi trang phục và bồi dưỡng tiết dạy thể dục theo Quyết định 51/2012/QĐ-TTg	073	12	10.176.700

Bằng chữ: Ba tỷ, không trăm lẻ sáu triệu, một trăm năm mươi bốn ngàn, một trăm đồng.

- Dự toán trên đã trừ tiết kiệm 10% và bao gồm toàn bộ chi các chế độ, chính sách nhà nước ban hành đến ngày 01/01/2022 và thực hiện chế độ tiền lương tối thiểu theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP;

- Kinh phí hoạt động gồm: Công tác chuyên môn; nâng lương thường xuyên; hội nghị, tổng kết, sơ kết, mua sắm tài sản; sửa chữa; nâng cấp bảo trì các phần mềm và các hoạt động nhiệm vụ khác phát sinh tại đơn vị. Đề nghị đơn vị chủ động cân đối và sử dụng kinh phí có hiệu quả và tiết kiệm.

- Thực hiện lập Quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế quản lý, sử dụng tài sản công gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch và Kho bạc Nhà nước huyện Tam Nông để theo dõi quản lý theo Quy định.

CHỈ TIÊU NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 2413/QĐ-UBND-HC ngày 21 tháng 12 năm 2021
của Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông)

Đơn vị: Trường THCS Phú Cường

Mã số đơn vị sử dụng ngân sách: 1041694

Chương 799 Loại 070 Khoản 073

Mã Kho bạc Nhà nước: 0664

Mã địa bàn hành chính: 871

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn NSNN	Số tiền
I	Tổng số thu, chi, nộp NS			170.000.000
1	Số thu học phí; sự nghiệp			170.000.000
2	Chi từ nguồn thu học phí, sự nghiệp được để lại			102.000.000
3	Số còn lại thực hiện cải cách tiền lương			68.000.000
II	Dự toán chi NSNN cấp			4.643.124.400
1	Dự toán chi thường xuyên thực hiện tự chủ theo ND 60/2021/ND-CP			4.556.664.400
-	Kinh phí giao khoán biên chế thực hiện tự chủ	073	13	4.511.167.000
-	Kinh phí tiền lương hợp đồng theo ND 68/2000	073	13	45.497.400
2	Dự toán chi thường xuyên không thực hiện tự chủ			86.460.000
-	Kinh phí chi hỗ trợ trẻ khuyết tật theo TTLT 42/2013	073	12	70.368.000
-	Kinh phí chi trang phục và bồi dưỡng tiết dạy thể dục theo Quyết định 51/2012/QĐ-TTg	073	12	16.092.000

Bằng chữ: Bốn tỷ, sáu trăm bốn mươi ba triệu, một trăm hai mươi bốn ngàn, bốn trăm đồng.

- Dự toán trên đã trừ tiết kiệm 10% và bao gồm toàn bộ chi các chế độ, chính sách nhà nước ban hành đến ngày 01/01/2022 và thực hiện chế độ tiền lương tối thiểu theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP;

- Kinh phí hoạt động gồm: Công tác chuyên môn; nâng lương thường xuyên; hội nghị, tổng kết, sơ kết, mua sắm tài sản; sửa chữa; nâng cấp bảo trì các phần mềm và các hoạt động nhiệm vụ khác phát sinh tại đơn vị. Đề nghị đơn vị chủ động cân đối và sử dụng kinh phí có hiệu quả và tiết kiệm.

- Thực hiện lập Quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế quản lý, sử dụng tài sản công gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch và Kho bạc Nhà nước huyện Tam Nông để theo dõi quản lý theo Quy định.

CHỈ TIÊU NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 2413/QĐ-UBND-HC ngày 21 tháng 12 năm 2021
của Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông)

Đơn vị: Trường THCS Phú Đức

Mã số đơn vị sử dụng ngân sách: 1030072

Chương 799 Loại 070 Khoản 073

Mã Kho bạc Nhà nước: 0664

Mã địa bàn hành chính: 871

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn NSNN	Số tiền
I	Tổng số thu, chi, nộp NS			61.500.000
1	Số thu học phí; sự nghiệp			61.500.000
2	Chi từ nguồn thu học phí, sự nghiệp được để lại			36.900.000
3	Số còn lại thực hiện cải cách tiền lương			24.600.000
II	Dự toán chi NSNN cấp			2.973.193.400
1	Dự toán chi thường xuyên thực hiện tự chủ theo ND 60/2021/ND-CP			2.964.998.400
-	Kinh phí giao khoán biên chế thực hiện tự chủ	073	13	2.919.501.000
-	Kinh phí tiền lương hợp đồng theo ND 68/2000	073	13	45.497.400
2	Dự toán chi thường xuyên không thực hiện tự chủ			8.195.000
-	Kinh phí chi trang phục và bồi dưỡng tiết dạy thể dục theo Quyết định 51/2012/QĐ-TTg	073	12	8.195.000

Bảng chữ: Hai tỷ, chín trăm bảy mươi ba triệu, một trăm chín mươi ba ngàn, bốn trăm đồng.

- Dự toán trên đã trừ tiết kiệm 10% và bao gồm toàn bộ chi các chế độ, chính sách nhà nước ban hành đến ngày 01/01/2022 và thực hiện chế độ tiền lương tối thiểu theo Nghị định 38/2019/ND-CP;

- Kinh phí hoạt động gồm: Công tác chuyên môn; nâng lương thường xuyên; hội nghị, tổng kết, sơ kết, mua sắm tài sản; sửa chữa; nâng cấp bảo trì các phần mềm và các hoạt động nhiệm vụ khác phát sinh tại đơn vị. Đề nghị đơn vị chủ động cân đối và sử dụng kinh phí có hiệu quả và tiết kiệm.

- Thực hiện lập Quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế quản lý, sử dụng tài sản công gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch và Kho bạc Nhà nước huyện Tam Nông để theo dõi quản lý theo Quy định.

CHỈ TIÊU NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 2413/QĐ-UBND-HC ngày 21 tháng 12 năm 2021
của Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông)

Đơn vị: Trường TH &THCS Phú Xuân

Mã số đơn vị sử dụng ngân sách: 1095346

Chương 799 Loại 070 Khoản 073

Mã Kho bạc Nhà nước: 0664

Mã địa bàn hành chính: 871

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn NSNN	Số tiền
I	Tổng số thu, chi, nộp NS			27.000.000
1	Số thu học phí; sự nghiệp			27.000.000
2	Chi từ nguồn thu học phí, sự nghiệp được để lại			16.200.000
3	Số còn lại thực hiện cải cách tiền lương			10.800.000
II	Dự toán chi NSNN cấp			1.605.755.400
1	Dự toán chi thường xuyên thực hiện tự chủ theo ND 60/2021/ND-CP			1.600.987.400
-	Kinh phí giao khoán biên chế thực hiện tự chủ	073	13	1.555.490.000
-	Kinh phí tiền lương hợp đồng theo ND 68/2000	073	13	45.497.400
2	Dự toán chi thường xuyên không thực hiện tự chủ			4.768.000
-	Kinh phí chi trang phục và bồi dưỡng tiết dạy thể dục theo Quyết định 51/2012/QĐ-TTg	073	12	4.768.000

Bằng chữ: Một tỷ, sáu trăm lẻ năm triệu, bảy trăm năm mươi lăm ngàn, bốn trăm đồng.

- Dự toán trên đã trừ tiết kiệm 10% và bao gồm toàn bộ chi các chế độ, chính sách nhà nước ban hành đến ngày 01/01/2022 và thực hiện chế độ tiền lương tối thiểu theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP;

- Kinh phí hoạt động gồm: Công tác chuyên môn; nâng lương thường xuyên; hội nghị, tổng kết, sơ kết, mua sắm tài sản; sửa chữa; nâng cấp bảo trì các phần mềm và các hoạt động nhiệm vụ khác phát sinh tại đơn vị. Đề nghị đơn vị chủ động cân đối và sử dụng kinh phí có hiệu quả và tiết kiệm.

- Thực hiện lập Quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế quản lý, sử dụng tài sản công gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch và Kho bạc Nhà nước huyện Tam Nông để theo dõi quản lý theo Quy định.

CHỈ TIÊU NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 2413/QĐ-UBND-HC ngày 21 tháng 12 năm 2021
của Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông)

Đơn vị: Trường THCS Phú Hiệp

Mã số đơn vị sử dụng ngân sách: 1039674

Chương 799 Loại 070 Khoản 073

Mã Kho bạc Nhà nước: 0664

Mã địa bàn hành chính: 871

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn NSNN	Số tiền
I	Tổng số thu, chi, nộp NS			97.000.000
1	Số thu học phí; sự nghiệp			97.000.000
2	Chi từ nguồn thu học phí, sự nghiệp được để lại			58.200.000
3	Số còn lại thực hiện cải cách tiền lương			38.800.000
II	Dự toán chi NSNN cấp			3.575.445.000
1	Dự toán chi thường xuyên thực hiện tự chủ theo NĐ 60/2021/NĐ-CP			3.546.267.400
-	Kinh phí giao khoán biên chế thực hiện tự chủ	073	13	3.500.770.000
-	Kinh phí tiền lương hợp đồng theo NĐ 68/2000	073	13	45.497.400
2	Dự toán chi thường xuyên không thực hiện tự chủ			29.177.600
-	Kinh phí chi hỗ trợ trẻ khuyết tật theo TTLT 42/2013	073	12	17.496.000
-	Kinh phí chi trang phục và bồi dưỡng tiết dạy thể dục theo Quyết định 51/2012/QĐ-TTg	073	12	11.681.600

Bảng chữ: Ba tỷ, năm trăm bảy mươi lăm triệu, bốn trăm bốn mươi lăm ngàn đồng.

- Dự toán trên đã trừ tiết kiệm 10% và bao gồm toàn bộ chi các chế độ, chính sách nhà nước ban hành đến ngày 01/01/2022 và thực hiện chế độ tiền lương tối thiểu theo Nghị định 38/2019/NĐ-CP;

- Kinh phí hoạt động gồm: Công tác chuyên môn; nâng lương thường xuyên; hội nghị, tổng kết, sơ kết, mua sắm tài sản; sửa chữa; nâng cấp bảo trì các phần mềm và các hoạt động nhiệm vụ khác phát sinh tại đơn vị. Đề nghị đơn vị chủ động cân đối và sử dụng kinh phí có hiệu quả và tiết kiệm.

- Thực hiện lập Quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế quản lý, sử dụng tài sản công gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch và Kho bạc Nhà nước huyện Tam Nông để theo dõi quản lý theo Quy định.